

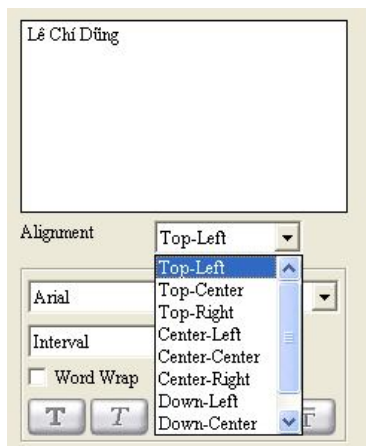
PHẦN I

CÁC CÔNG CỤ HỖ TRỢ THIẾT KẾ THẺ TRONG CARD DESIREE CS

1 - Add Color Text: Tạo một đoạn text màu.

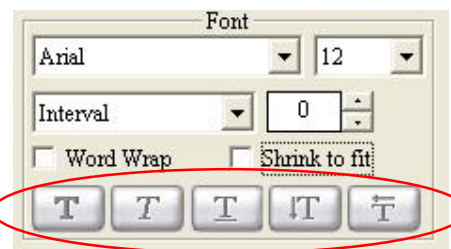
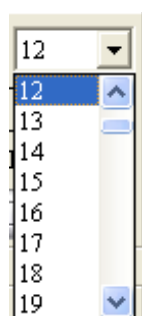
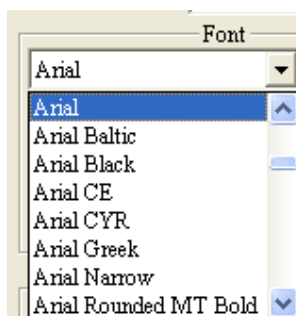
Nhấp vào biểu tượng  một khung text sẽ xuất hiện trong vùng thiết kế thẻ. Chúng ta có thể kéo để di chuyển hoặc điều chỉnh khung này tùy thích.

Nhập thông tin đoạn text vào khung bên tay phải (Ví dụ: Lê Chí Dũng). Đồng thời chúng ta có thể canh chỉnh dòng text này tùy thích với các lựa chọn trong khung **Alignment** như:

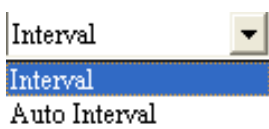


Top – Left: Phía trên – bên trái
Top – Center: Phía trên – ở giữa
Top – Right: Phía trên – bên phải
Center – Left: Ở giữa – bên trái
Center – Center: Ở giữa – ở giữa
Center – right: Ở giữa – bên phải
Down – Left: Phía dưới – bên trái
Down – Center: Phía dưới – ở giữa
Down – Right: Phía dưới – bên phải

Chọn **font** chữ và **size** cho đoạn text này trong khung **Font**.



Đậm, nghiêng, gạch dưới
chữ đứng, đảo ngược chữ

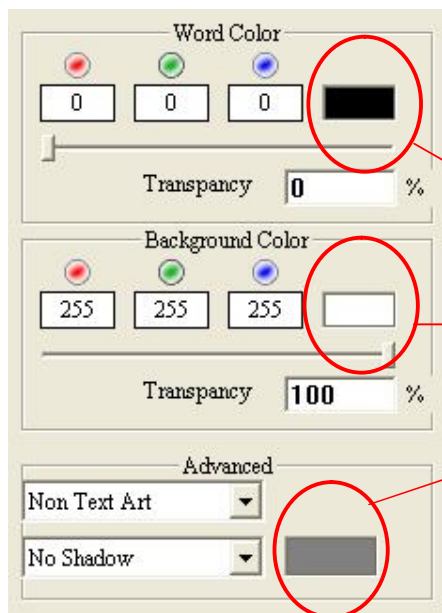


Word Wrap: Tự động nhảy xuống hàng.

Shrink to fit: Tự động co chữ theo mức bình thường, nếu không chọn chúng ta có thể tùy chỉnh khoảng cách các ký tự theo các khung số bên trên.

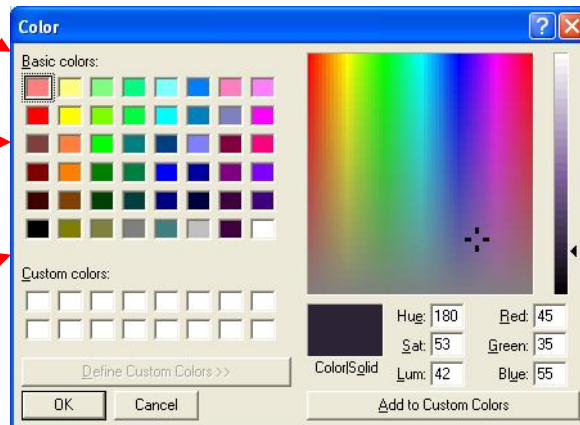
Interval: khoảng cách các chữ bình thường

Autointerval: tự động canh chữ đều hai bên khung.



Word color: Chọn màu sắc cho chữ, theo hệ màu RGB.

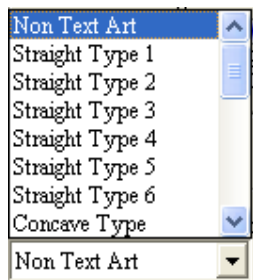
Chúng ta có thể gõ thông số màu vào các ô màu hoặc nhấp vào khung màu kế bên để chọn màu có sẵn thích hợp.



Background Color: Chọn màu sắc cho nền khung text, theo hệ màu RGB. Chúng ta cũng có thể gõ thông số màu vào các ô màu hoặc nhấp vào khung màu kế bên để chọn màu có sẵn thích hợp.

Transparency: Giảm độ màu, tăng độ trong suốt theo tỉ lệ phần trăm. Chúng ta có thể nhập số tỉ lệ hoặc kéo thanh thước tương ứng bên trên. Để khung trong suốt, ta chọn 100%.

Advance: Chúng ta có thể chọn một vài hiệu ứng đổ bóng (**Shadow**), nghiêng chữ theo đường cong, kiểu lượn sóng,... (**Text Art**). Chúng ta có thể nhấp vào khung bên trên để chọn màu cho bóng



Art Word	Shadow
Non Text Art	Non Shadow
Straight 1~6	Left – Top Shadow
Concave	Left – Down Shadow
Bulge	Right – Top Shadow
Up – Arc 1,2	Right – Down Shadow
Down – Arc 1,2	Right Shadow
Up – Arch	Top Shadow
Down – Arch	
Inner Shrink	
Expansion	
Wave 1~6	



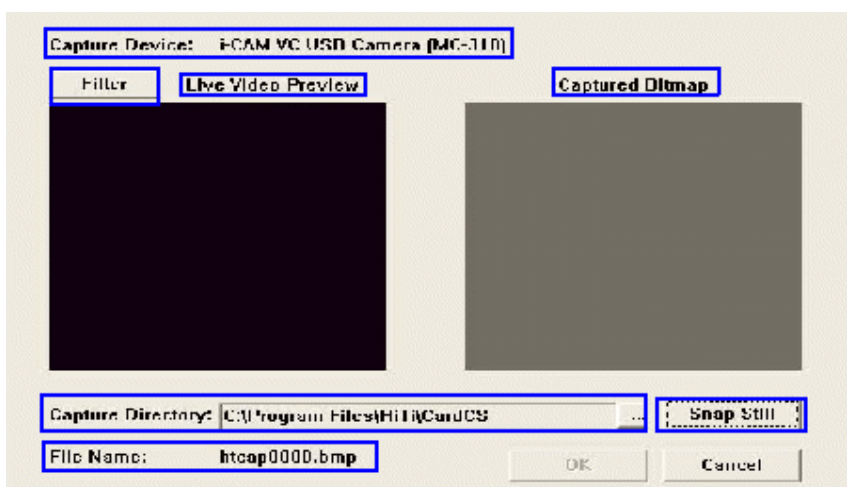
2 – Add ID Frame: Tạo một khung ảnh.

a) Nhấp vào biểu tượng  để tạo một khung ảnh và nhấp vào  để chọn đường dẫn cho ảnh.



Loading images from files: Chọn đường dẫn trực tiếp vào một hình ảnh nào đó.

Loading images from webcam: Lấy hình ảnh bằng cách chụp từ webcam.



Capture Device: Chọn webcam mà bạn sử dụng.

Filter: Cài đặt các thông số cho webcam

Live Video Preview: Xem hình thu được từ webcam để tiến hành chụp.

Captured Bitmap: Hình ảnh được chụp bằng webcam sẽ hiển thị trong khung này.

Capture Directory: Đường dẫn lưu hình sau khi chụp.

Snap Still: Nhấp vào đây để chụp hình.

File Name: Tên hình ảnh được chụp bởi webcam.

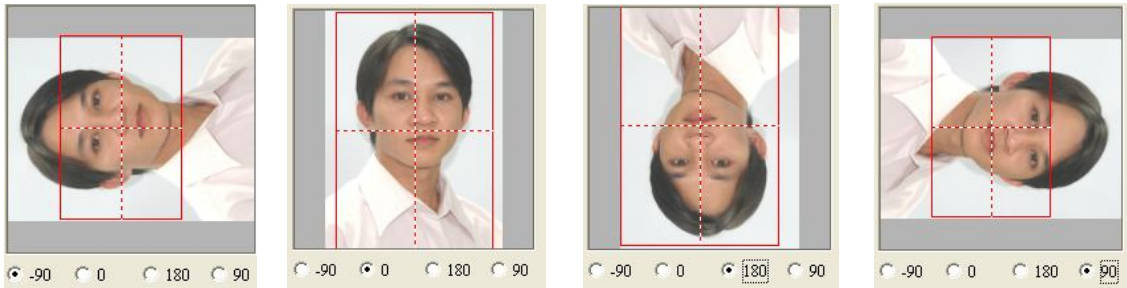
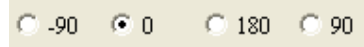
Loading images from WIA: Dùng một webcam để chụp hình ảnh thông qua WIA.

Loading images from Twain (Sử dụng cho WIN 98/2000): Dùng một webcam để chụp hình ảnh thông qua Twain.



b) Điều chỉnh hình ảnh thông qua khung màu đỏ để bạn chọn phần thích hợp.

c) Điều chỉnh những định hướng cho hình ảnh.

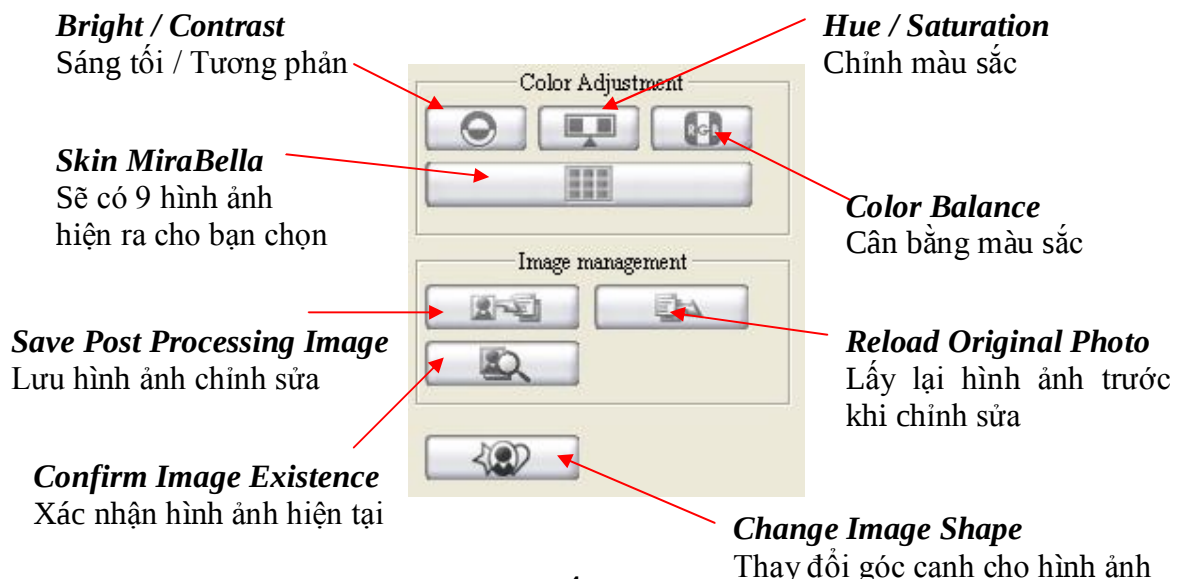


d) Nhấp  để đưa hình ảnh đã điều chỉnh cho thích hợp vào trong thiết kế thẻ. Tuy nhiên, nếu bạn không kết nối tới một file cơ sở dữ liệu, vui lòng lưu những điều chỉnh bằng thanh công cụ **Mune Bard** bằng cách chọn **File** sau đó chọn **Save**. Còn nếu như bạn kết nối tới file cơ sở dữ liệu, phải mở **Print Info (Print Information Database)** và chọn các dữ liệu trước khi bạn điều chỉnh hình ảnh.

e) Chỉnh sửa hình ảnh với **Color Adjustment và images management**

Nếu bạn không kết nối với một cơ sở dữ liệu, sau khi hoàn thành việc điều chỉnh về màu sắc chúng ta nên lưu lại những thay đổi bằng thanh công cụ **Menu Bar**, chọn **File** → **Save**.

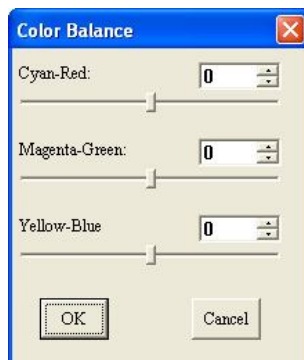
Còn nếu như bạn đang sẵn sàng kết nối tới một file cơ sở dữ liệu, vui lòng mở **Print Info** để chọn các dữ liệu trước khi bạn điều chỉnh màu sắc cho hình ảnh. Sau khi hoàn thành việc điều chỉnh các màu sắc đó, vui lòng nhấp vào **“Save post processing image”** trong **“Image Management”** để lưu lại. Bạn có thể nhấn **“Reload original photo”** để lấy lại hình gốc trước khi chỉnh sửa.



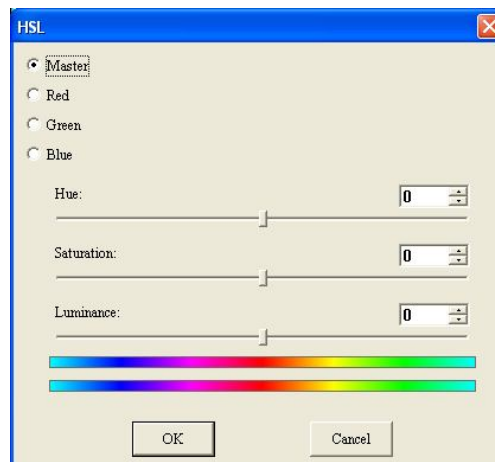
Brightness / Contrast



Color Balance



Hue / Saturation



Skin MeraBella



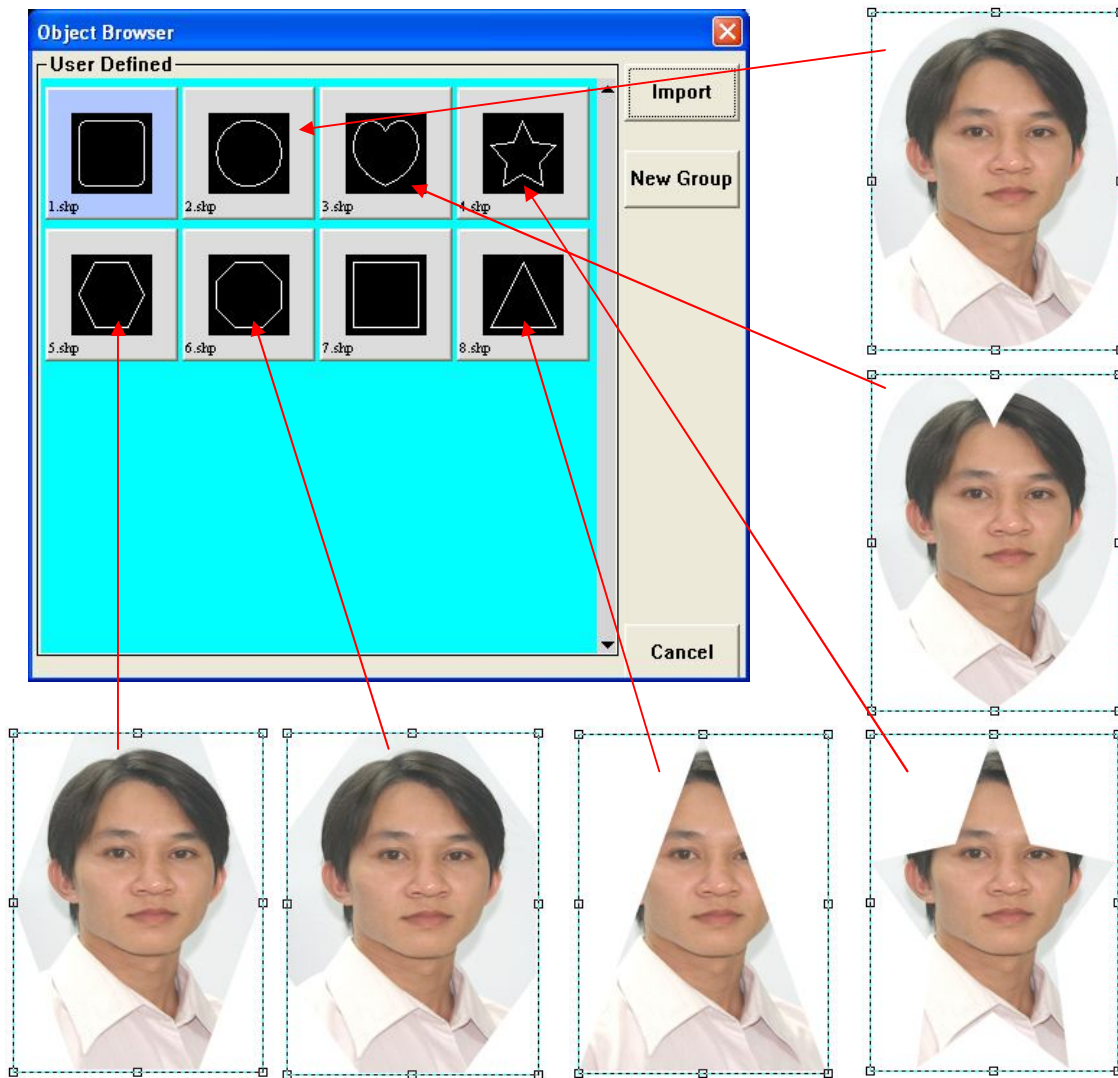
Caution

Các mục “**Save post processing image**”, “**Reload original photo**” và “**Confirm image existence**” trong **Image management** chỉ có thể chọn được khi bạn kết nối với file cơ sở dữ liệu và mở **Print Info**.

Chú ý: Khi bạn nhấp chọn “**Confirm image existence**”, máy tính sẽ kiểm tra hình ảnh và dữ liệu bạn đã chọn trong **Print Info**. Nếu hình ảnh không có trong đường dẫn, một cửa sổ sẽ hiện bên tay phải. Sau khi bạn nhấp chọn **OK** dữ liệu không có hình ảnh đó sẽ được chọn ở trong **Print Info**. Còn nếu như bạn đánh dấu chọn vào “**Skip printing of all data without images**” thì tất cả những dữ liệu không có hình ảnh sẽ không được đánh dấu chọn trong **Print Info**.

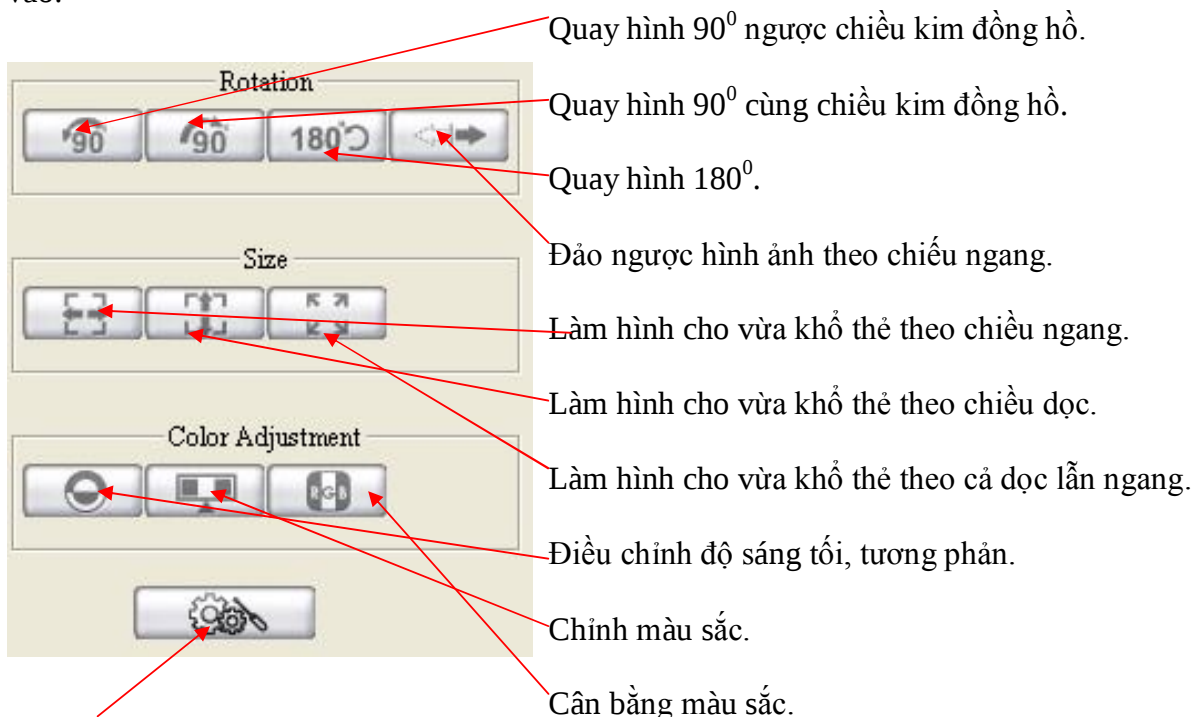


e) **Change Image Shape:** Thay đổi góc cạnh cho hình ảnh. Trong này có nhiều dạng góc cạnh cho bạn chọn tùy vào sở thích. Bạn cũng có thể điều chỉnh kích cỡ hình ảnh bằng cách điều chỉnh 8 nút trên khung hình ảnh.



3 – Import Background: Chèn hình nền

Nhấp vào biểu tượng  để chọn đường dẫn tới hình nền mà chúng ta cần đưa vào.

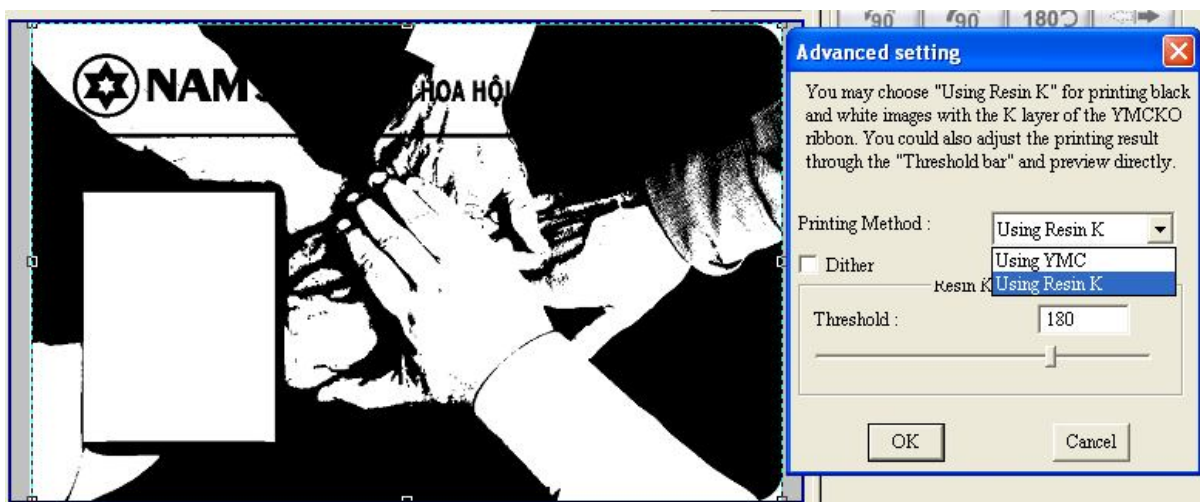


Advance setting:

Chọn loại ribbon hiển thị để in hình nền, có thể là YMC hoặc trắng đen K.

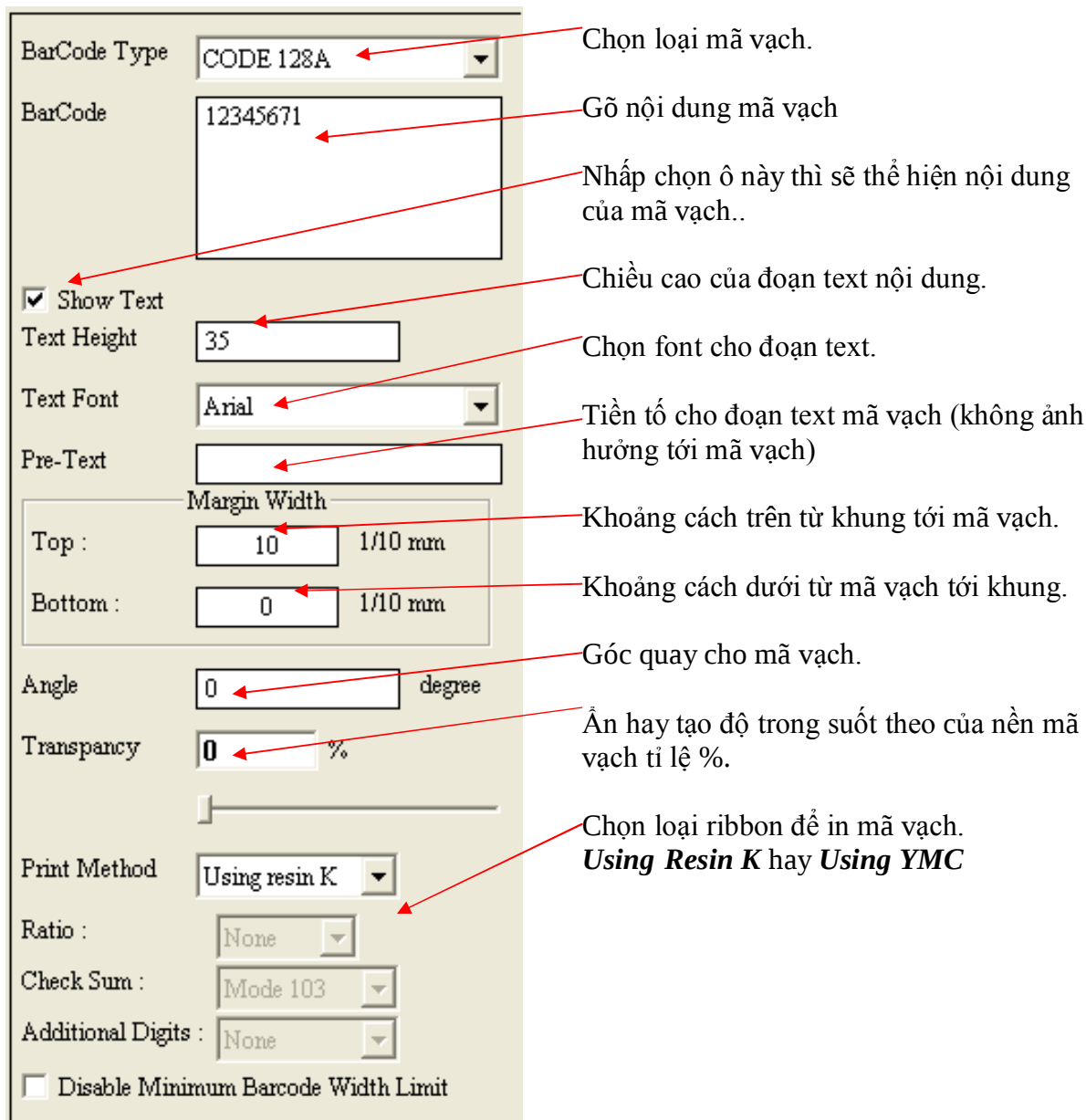
Using YMC: sử dụng lớp mực màu để in hình nền.

Using Resin K: sử dụng lớp mực đen của ribbon màu YMCKO để in hình nền thành dạng ảnh trắng đen. Bạn có thể điều chỉnh độ sáng tối này bằng cách kéo con trỏ “Threshold” hoặc gõ thẳng thông số vào ô trống.



4 – Import Barcode: Chèn mã vạch.

Nhấp vào biểu tượng  để tạo mã vạch.



The dialog box contains the following fields and controls:

- BarCode Type:** A dropdown menu currently showing "CODE 128A".
- BarCode:** A text input field containing "12345671".
- Show Text:** A checked checkbox.
- Text Height:** A text input field containing "35".
- Text Font:** A dropdown menu currently showing "Arial".
- Pre-Text:** An empty text input field.
- Margin Width:** A section containing two sub-fields:
 - Top:** A text input field containing "10", with "1/10 mm" to its right.
 - Bottom:** A text input field containing "0", with "1/10 mm" to its right.
- Angle:** A text input field containing "0", with "degree" to its right.
- Transparency:** A text input field containing "0", with "%" to its right, and a slider bar below it.
- Print Method:** A dropdown menu currently showing "Using resin K".
- Ratio:** A dropdown menu currently showing "None".
- Check Sum:** A dropdown menu currently showing "Mode 103".
- Additional Digits:** A dropdown menu currently showing "None".
- Disable Minimum Barcode Width Limit:** An unchecked checkbox.

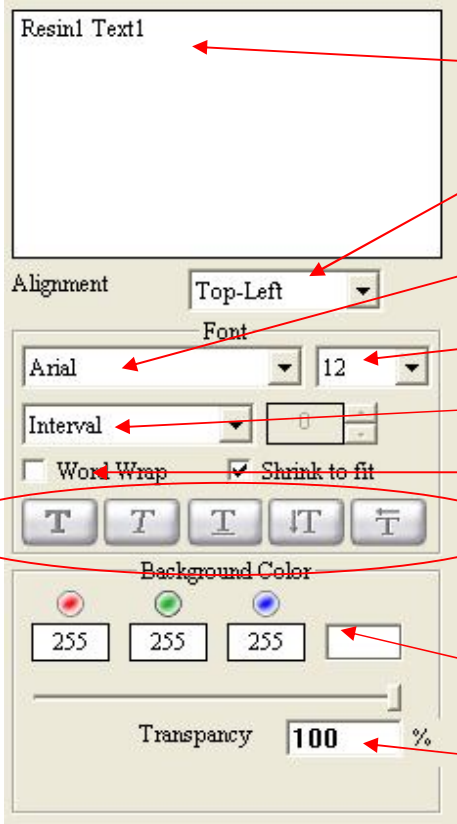
Annotations with red arrows point to the following elements:

- Chọn loại mã vạch. (Points to BarCode Type)
- Gõ nội dung mã vạch (Points to BarCode)
- Nhấp chọn ô này thì sẽ thể hiện nội dung của mã vạch.. (Points to Show Text)
- Chiều cao của đoạn text nội dung. (Points to Text Height)
- Chọn font cho đoạn text. (Points to Text Font)
- Tiền tố cho đoạn text mã vạch (không ảnh hưởng tới mã vạch) (Points to Pre-Text)
- Khoảng cách trên từ khung tới mã vạch. (Points to Top margin)
- Khoảng cách dưới từ mã vạch tới khung. (Points to Bottom margin)
- Góc quay cho mã vạch. (Points to Angle)
- Ấn hay tạo độ trong suốt theo của nền mã vạch tỉ lệ %. (Points to Transparency)
- Chọn loại ribbon để in mã vạch. **Using Resin K** hay **Using YMC** (Points to Print Method)



5 – Add Resin Text: Tạo một đoạn text đen.

Nhấp vào biểu tượng  để tạo một đoạn text chỉ in bằng ruy băng đen.



Annotations for the Resin Text dialog box:

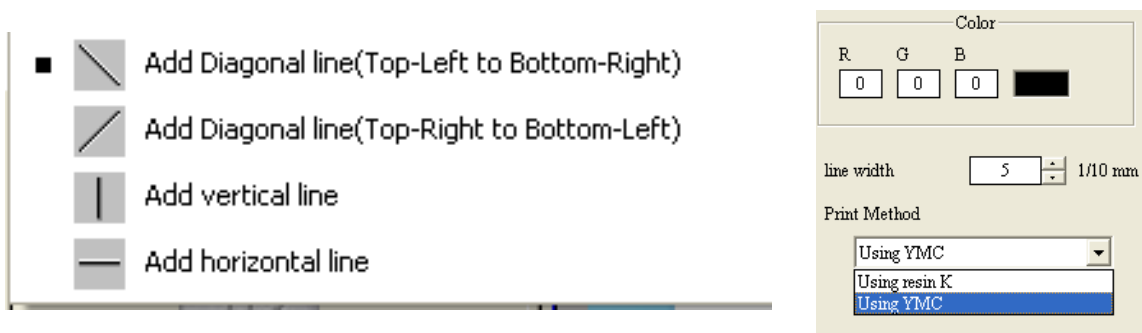
- Gõ nội dung đoạn text vào đây.
- Điều chỉnh vị trí: Top – Left, Center – Center,...
- Chọn font cho đoạn text.
- Chọn size kích thước cho đoạn text.
- Co hay giãn chữ trong khung.
- Tự động ngắt xuống hàng.
- Đậm, nghiêng, gạch dưới, quay theo chiều dọc, đảo chữ theo chiều ngang
- Chọn màu sắc
- Tạo độ trong suốt hay ẩn theo tỉ lệ %

6 – Add Line and Figure: Chèn đường thẳng hoặc hình học.

a) **Add Line:** Chèn đường thẳng vào.

Nhấp vào biểu tượng  một đường thẳng sẽ xuất hiện. Nhấn  và giữ chuột trái thì danh sách các đường thẳng hiện ra.

Chúng ta có thể chọn màu cho đường thẳng, bề rộng nét, phương pháp in trên ribbon



Options for Add Line:

- Add Diagonal line(Top-Left to Bottom-Right)
- Add Diagonal line(Top-Right to Bottom-Left)
- Add vertical line
- Add horizontal line

Color: R: 0, G: 0, B: 0

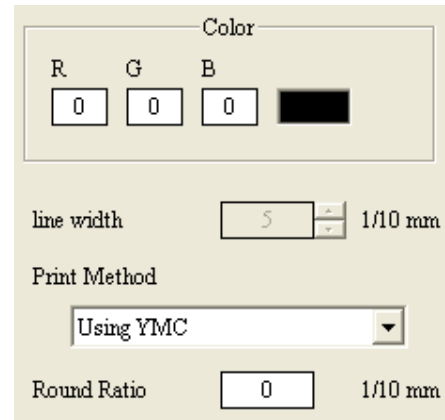
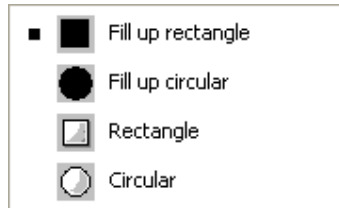
line width: 5 1/10 mm

Print Method: Using YMC, Using resin K, Using YMC

b) Add Figure: chèn hình học (vuông, chữ nhật, tròn, elip)

Nhấp vào biểu tượng  một hình học sẽ xuất hiện. Nhấn  và giữ chuột trái thì danh sách các hình học hiện ra.

Chúng ta có thể chọn loại hình học là fill hoặc đường nét. Bên tay phải có các công cụ giúp chúng ta chỉnh màu sắc, bề rộng nét và phương pháp in trên loại ribbon.



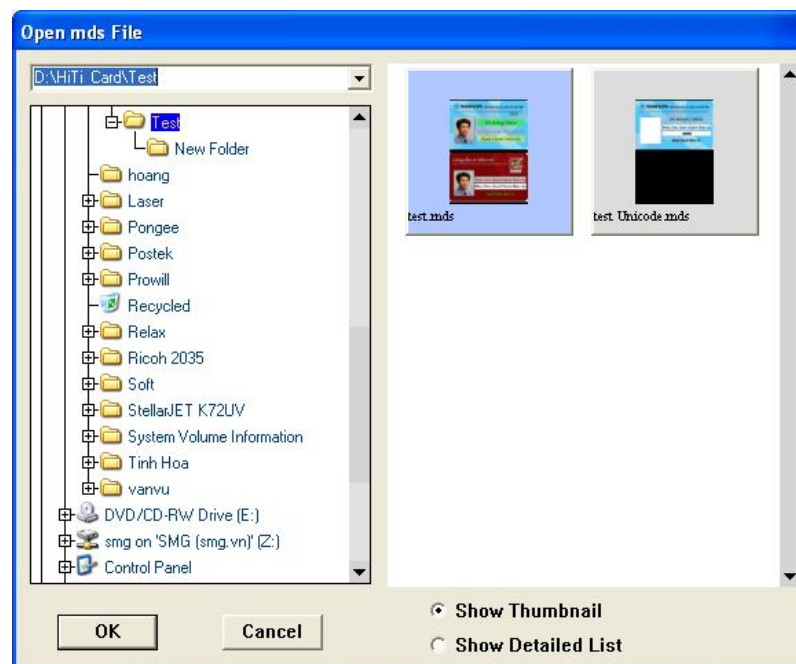
Round Ratio: độ cong cho hình vuông hoặc chữ nhật

7 – Add Images: Chèn hình ảnh vào.

Nhấp vào biểu tượng  để đưa một hình ảnh vào phần mềm. Hình ảnh này có thể sử dụng giống như **ID Frame**.

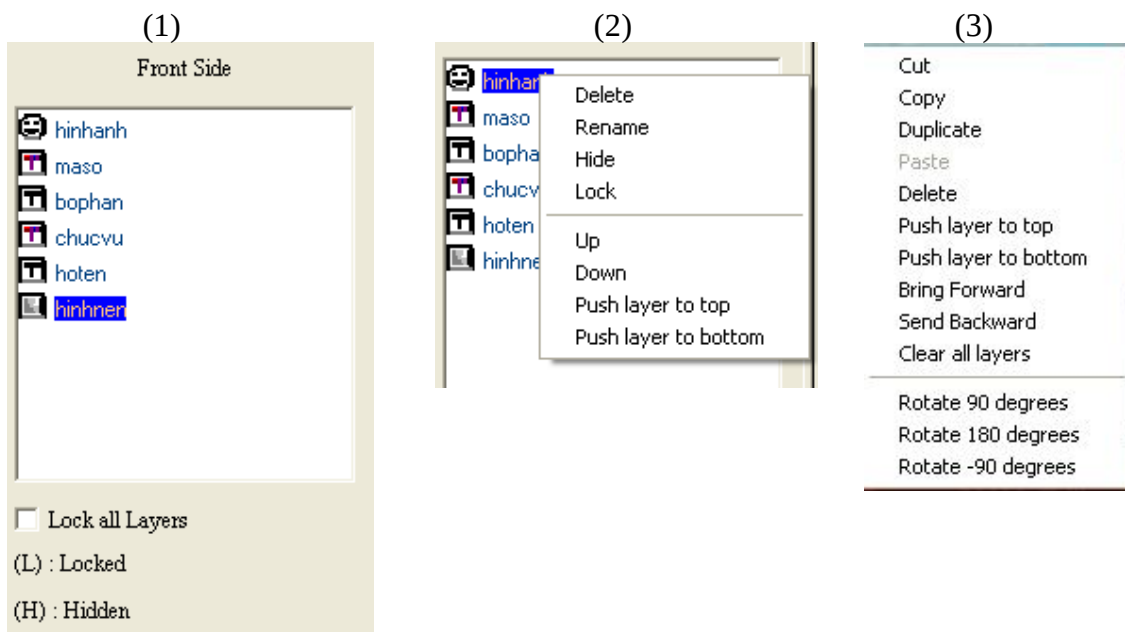
8 – Open *.mds file: Mở file thiết kế

Nhấp vào biểu tượng  để mở một file thiết kế trước đó, hoặc file thiết kế mẫu.



9 – Layer Archive: lớp lưu trữ

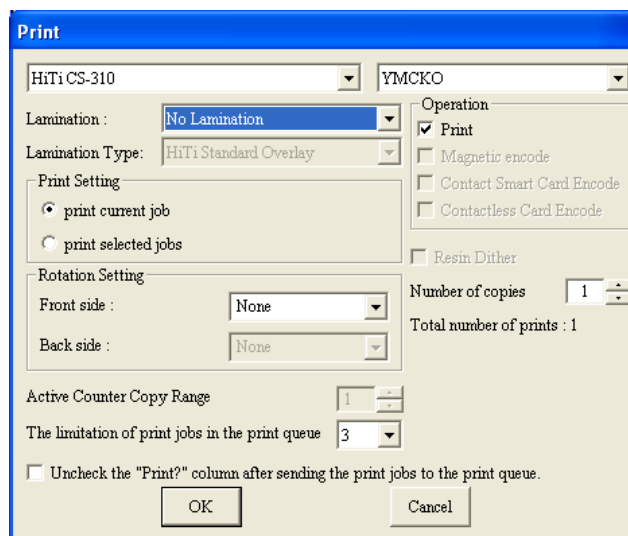
Tất cả các trường dữ liệu đều nằm trong khung này (1). Chúng ta có thể điều chỉnh thứ tự sắp xếp các lớp này hoặc có thể đổi tên, xóa bỏ, khóa lại, ẩn đi,...bằng cách nhấn chuột phải rồi chọn mục cần làm (2).



Hoặc bạn có thể chọn các thuộc tính này bằng cách chọn layer bên thiết kế thẻ, rồi nhấn chuột phải để chọn các mục cần làm như trên (3)

10 – Printing Card:

Sau khi hoàn thành việc thiết kế thẻ và liên kết các dữ liệu, chúng ta sẽ tiến hành in thẻ bằng cách nhấp vào biểu tượng 



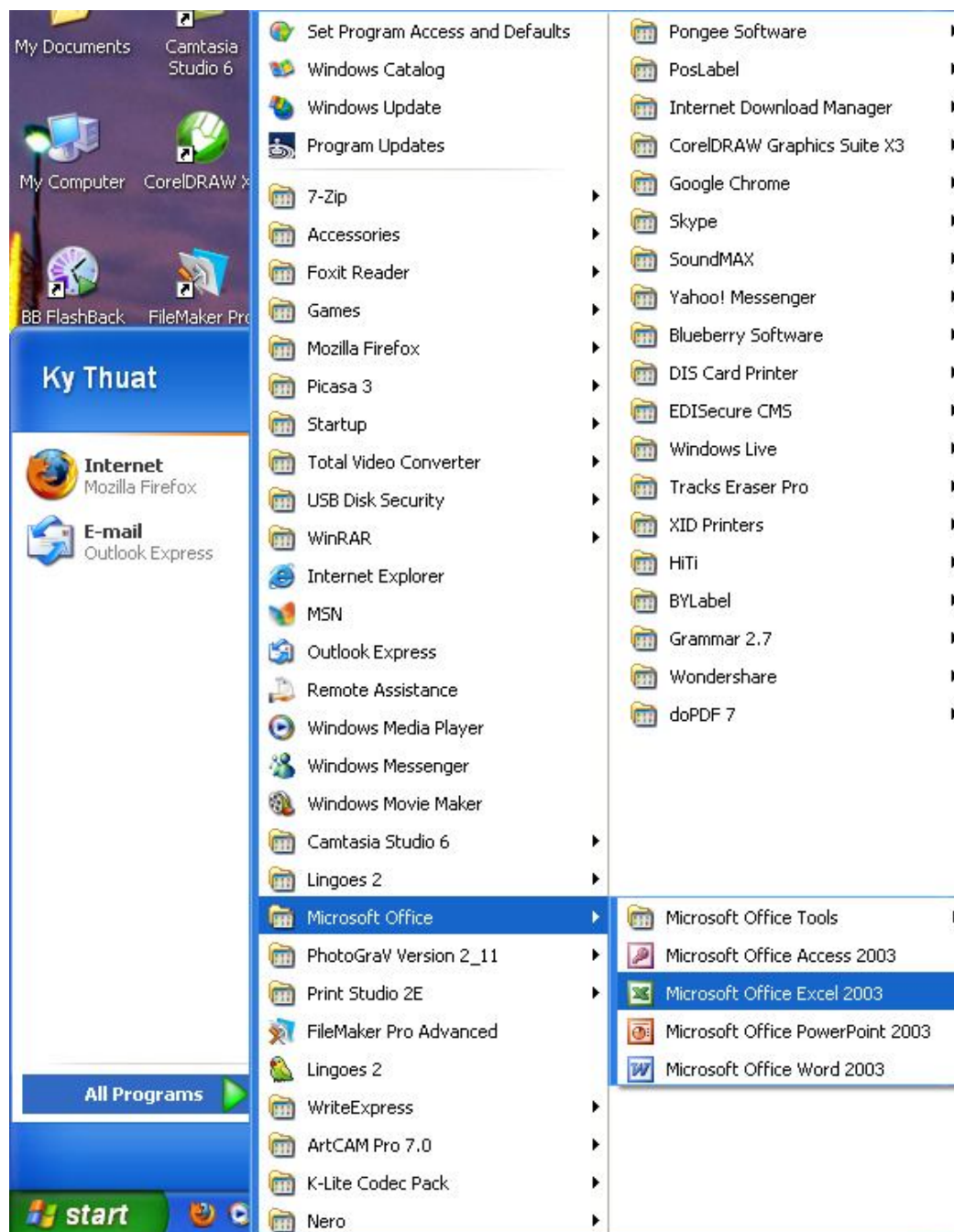
PHẦN II

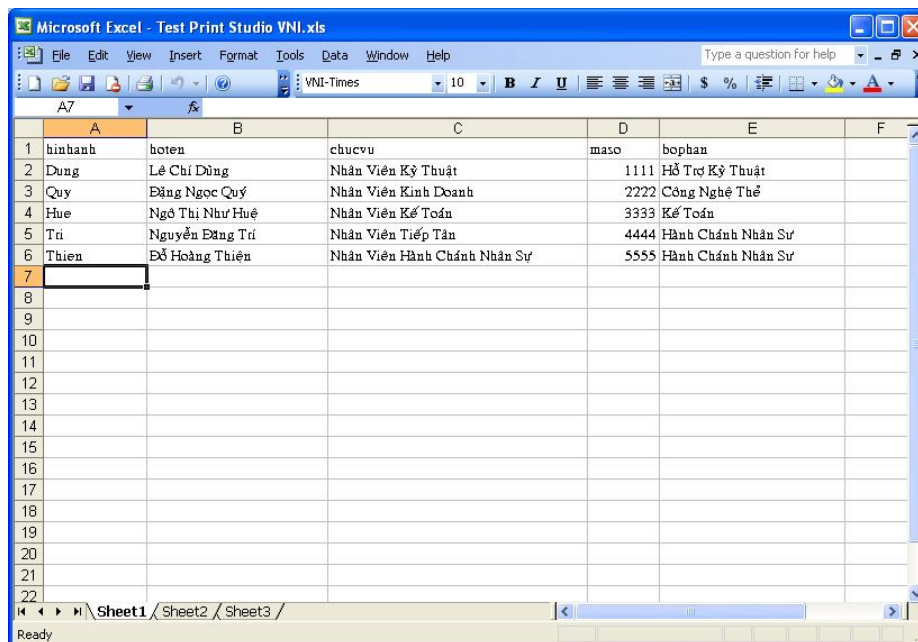
KẾT NỐI VỚI CƠ SỞ DỮ LIỆU

A - KẾT NỐI DỮ LIỆU VỚI EXCEL

I – TẠO CƠ SỞ DỮ LIỆU EXCEL:

Cài đặt Microsoft Office Excel 2000 hay 2003 vào máy tính, nhấn **Start → Program files → Microsoft Office Excel 2003**.



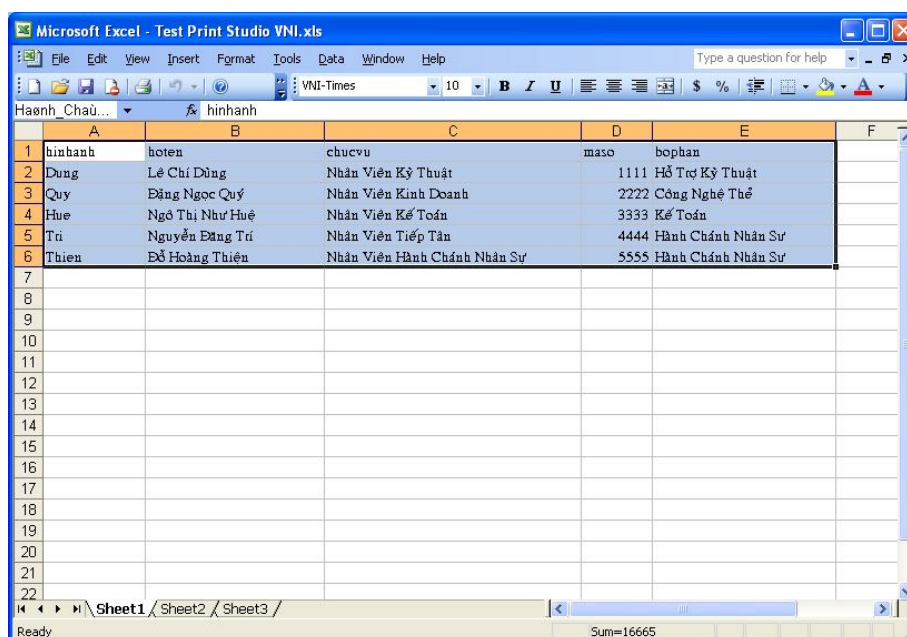


	A	B	C	D	E	F
1	hinhanh	hoten	chucvu	maso	bophan	
2	Dung	Lê Chí Dũng	Nhân Viên Kỹ Thuật	1111	Hỗ Trợ Kỹ Thuật	
3	Quy	Đặng Ngọc Quý	Nhân Viên Kinh Doanh	2222	Công Nghệ Thế	
4	Hue	Ngô Thị Như Huệ	Nhân Viên Kế Toán	3333	Kế Toán	
5	Tri	Nguyễn Đăng Trí	Nhân Viên Tiếp Tân	4444	Hành Chánh Nhân Sự	
6	Thien	Đỗ Hoàng Thiện	Nhân Viên Hành Chánh Nhân Sự	5555	Hành Chánh Nhân Sự	
7						
8						
9						
10						
11						
12						
13						
14						
15						
16						
17						
18						
19						
20						
21						
22						

Sau khi mở một file Excel, chúng ta sẽ tiến hành tạo các cột trường dữ liệu mà chúng ta cần thiết kể trên thẻ (Ví dụ: hinhanh, hoten, chucvu, maso, phongban,...) sau đó điền tất cả những thông tin vào các cột trường dữ liệu tương ứng như hình bên trên.

Chú ý: cột trường **hinhanh** phải có tên trùng với tên của file hình ảnh, đồng thời tất cả các hình ảnh phải để trong một folder. Để tránh sự lộn xộn hay nhầm lẫn, chúng ta có thể chọn cột **hinhanh** theo dạng số thứ tự.

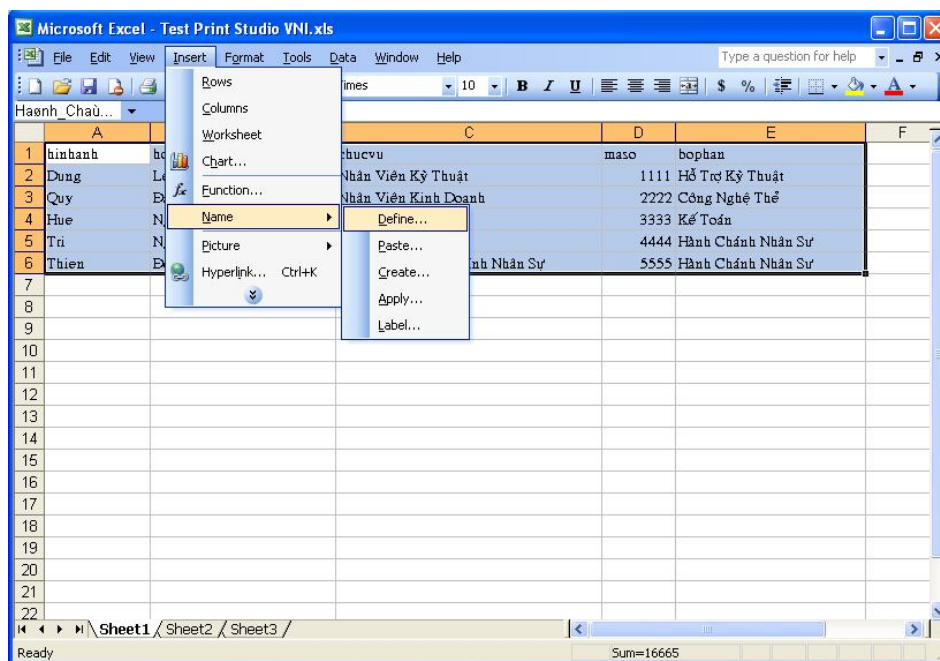
Chọn tất cả dữ liệu như hình bên dưới:



	A	B	C	D	E	F
1	hinhanh	hoten	chucvu	maso	bophan	
2	Dung	Lê Chí Dũng	Nhân Viên Kỹ Thuật	1111	Hỗ Trợ Kỹ Thuật	
3	Quy	Đặng Ngọc Quý	Nhân Viên Kinh Doanh	2222	Công Nghệ Thế	
4	Hue	Ngô Thị Như Huệ	Nhân Viên Kế Toán	3333	Kế Toán	
5	Tri	Nguyễn Đăng Trí	Nhân Viên Tiếp Tân	4444	Hành Chánh Nhân Sự	
6	Thien	Đỗ Hoàng Thiện	Nhân Viên Hành Chánh Nhân Sự	5555	Hành Chánh Nhân Sự	
7						
8						
9						
10						
11						
12						
13						
14						
15						
16						
17						
18						
19						
20						
21						
22						



Sau đó chọn **Menu → Name → Define**, như hình bên dưới:



Nhập tên cho bảng dữ liệu này vào “**Name in workbook**” trong cửa sổ **Define Name**, rồi click **OK**.

Chú Ý: Không sử dụng khoảng trắng giữa các ký tự.



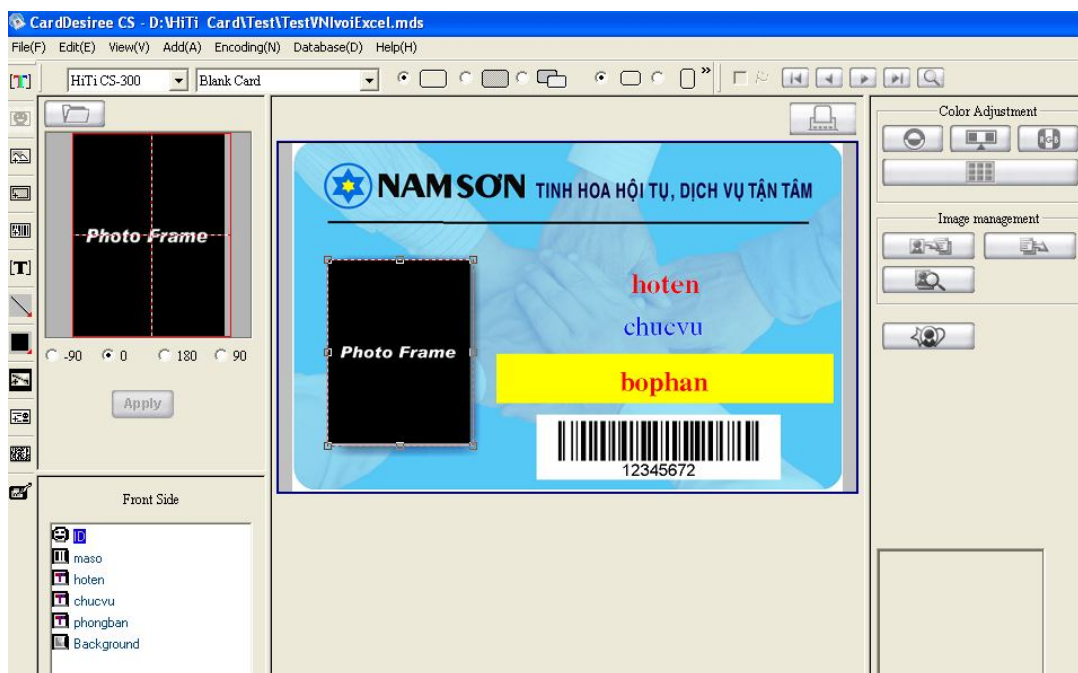
Sau đó lưu file Excel này lại.



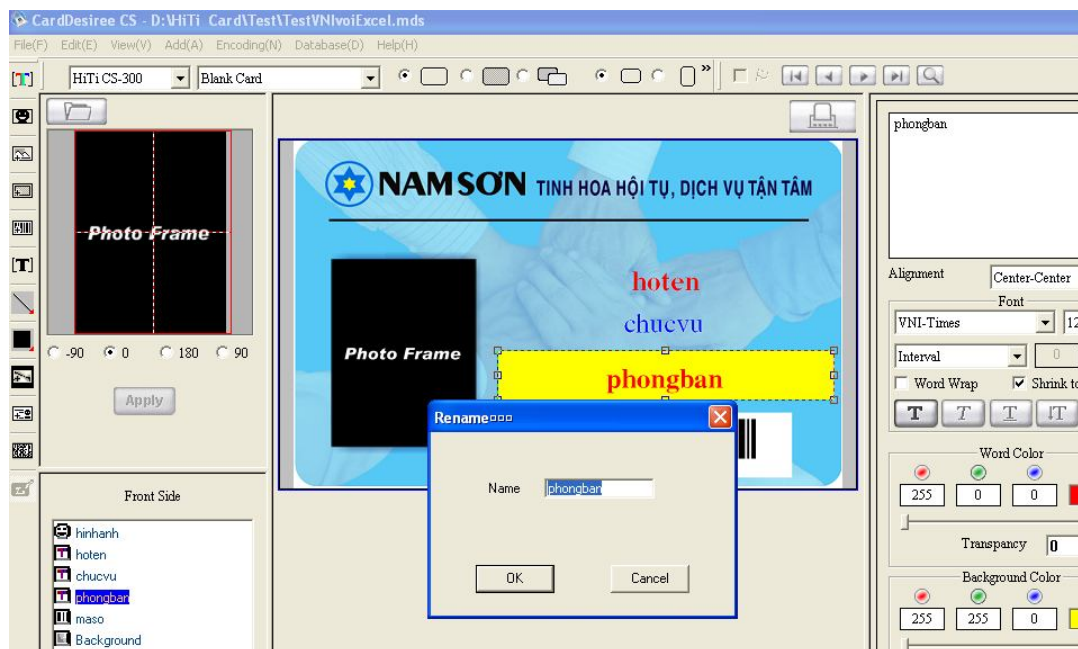
II – KẾT NỐI DỮ LIỆU EXCEL TRONG PHẦN MỀM CARD DESIREE CS:

Bước 1: Thiết kế thẻ.

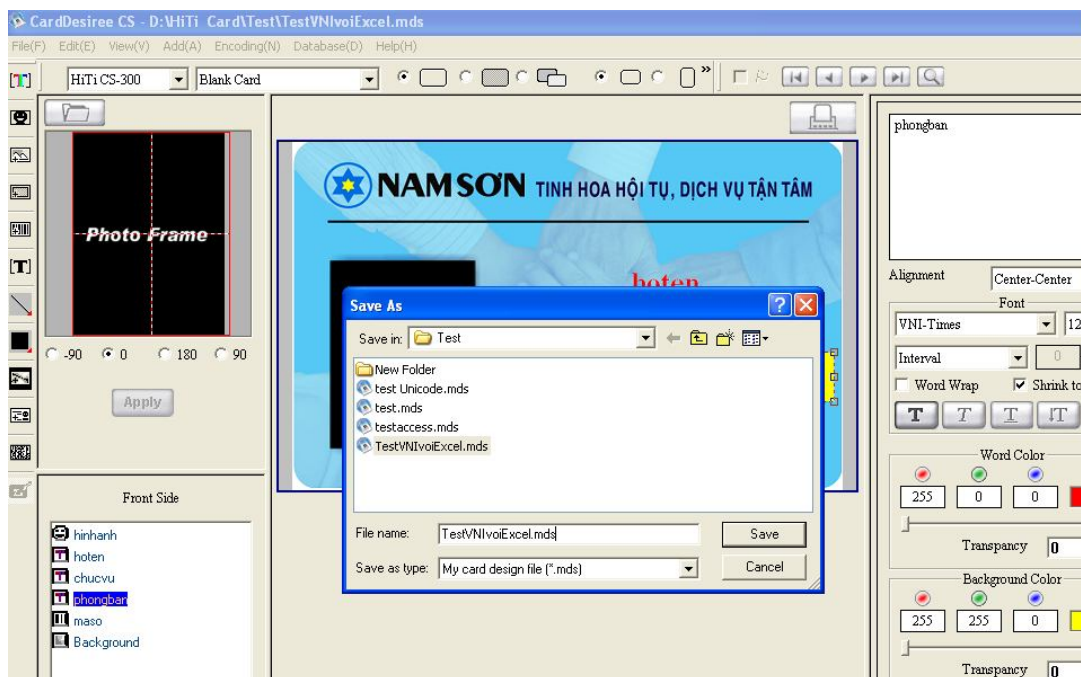
Trước khi kết nối với cơ sở dữ liệu, chúng ta cần phải thiết kế thẻ.



Để thuận tiện, chúng ta cũng có thể thay đổi tên rồi sắp xếp thứ tự các trường dữ liệu trong thẻ tương ứng với thứ tự cột trường dữ liệu trong file Excel.

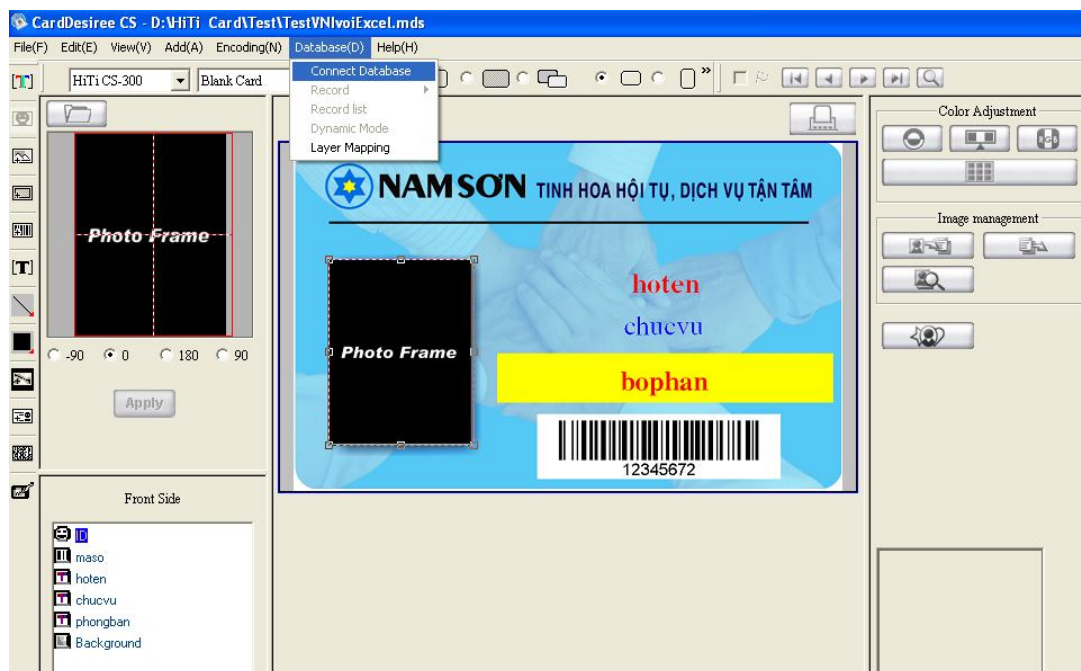


Sau đó lưu file thiết kế thẻ lại.



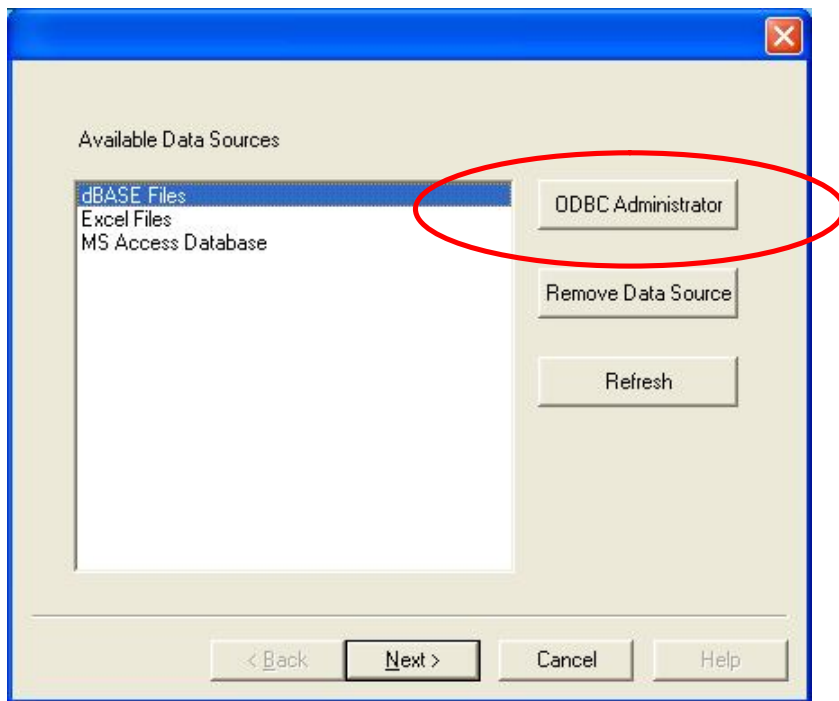
Bước 2: Kết nối với dữ liệu Excel.

Chúng ta bắt đầu kết nối dữ liệu bằng cách nhấp vào **Database** → **Connect Database** trong phần mềm **Card Desiree CS**.

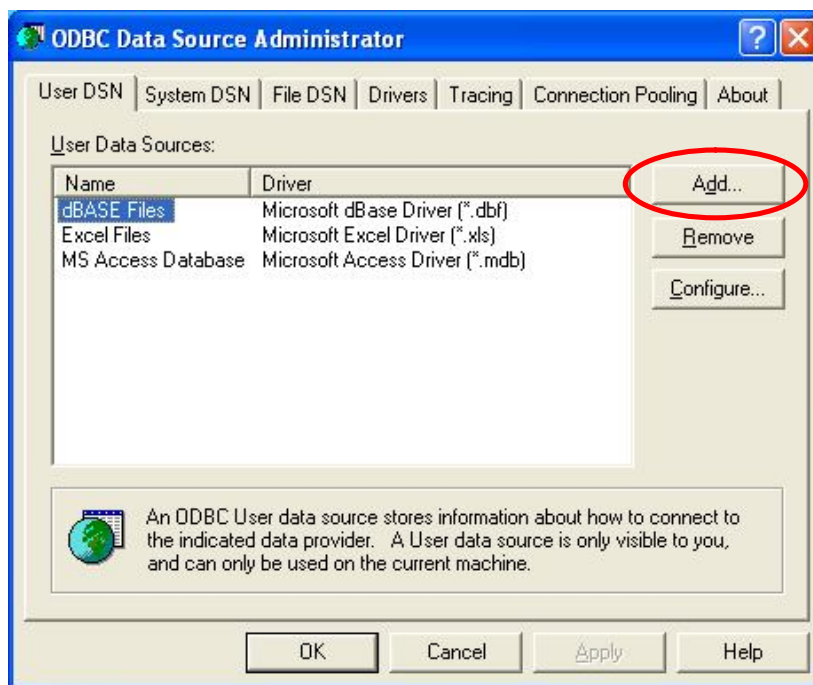


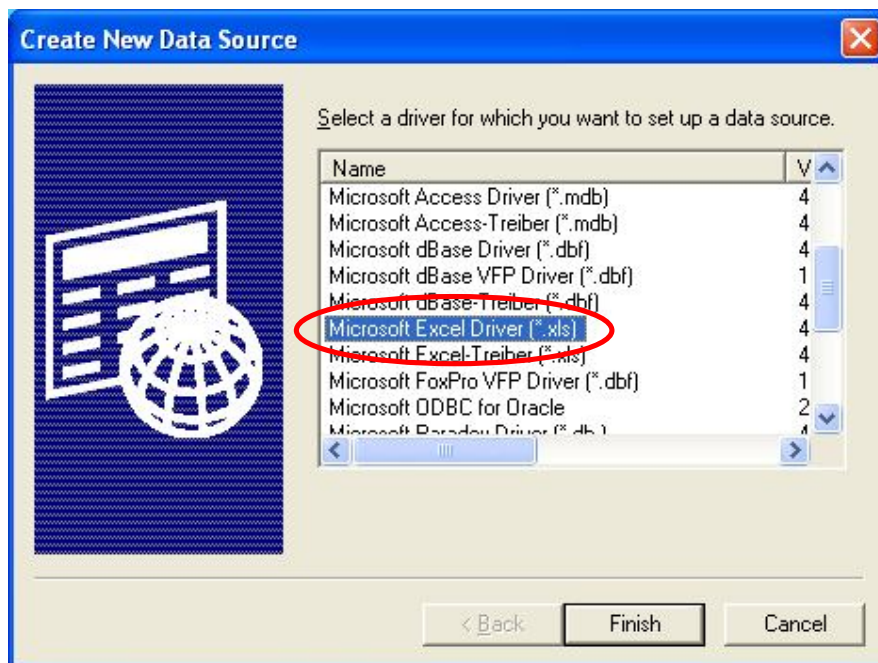
Bước 3: Tạo nguồn dữ liệu.

Nhấp chọn **ODBC Administrator**.

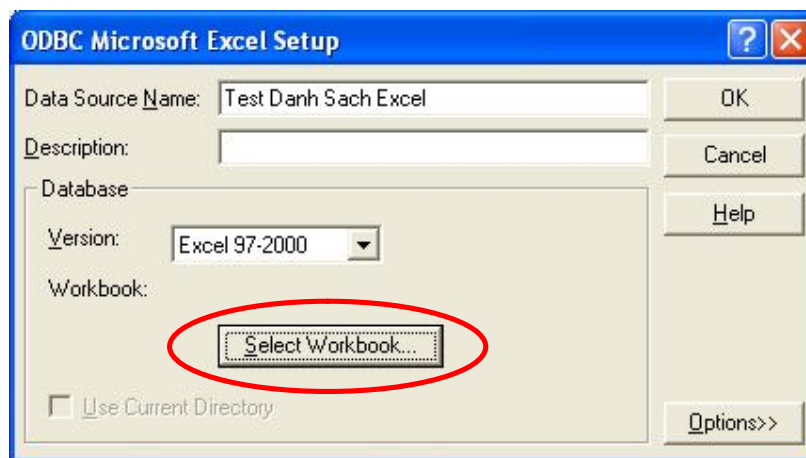


Cửa sổ **ODBC Data Source Administrator** sẽ xuất hiện, nhấp chọn **Add**.



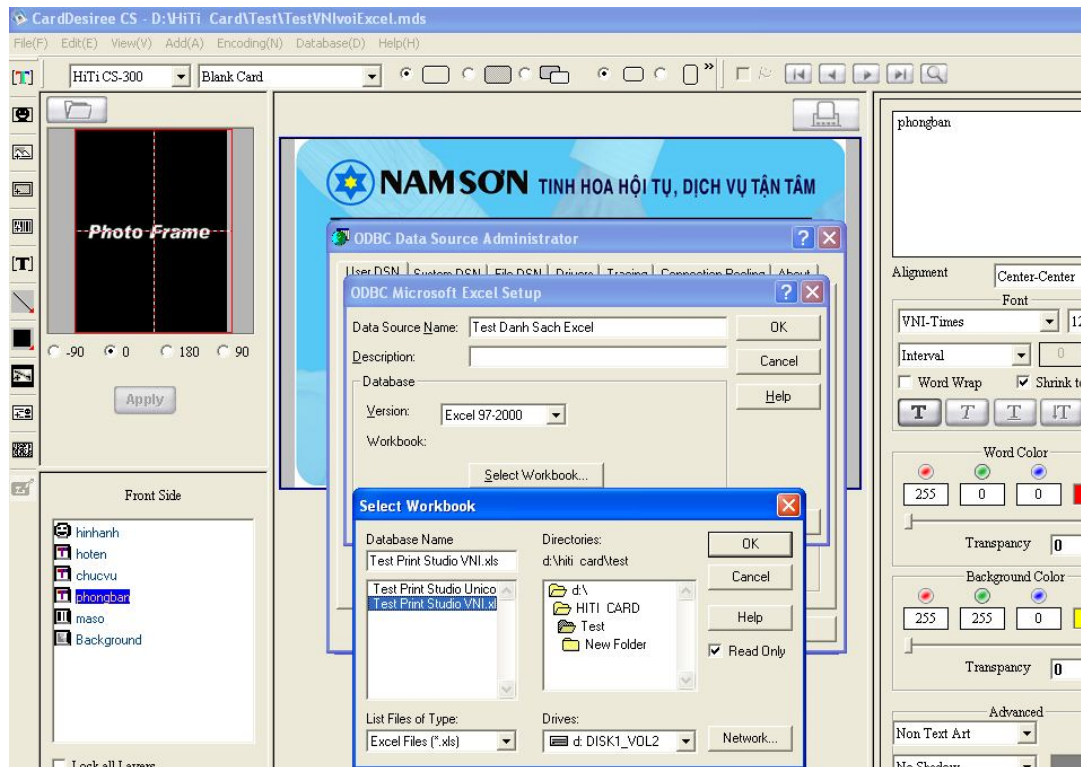


Nhấp chọn **Microsoft Excel Driver (*.xls)**.
Sau đó nhấp chọn **Finish** xuất hiện bên dưới.

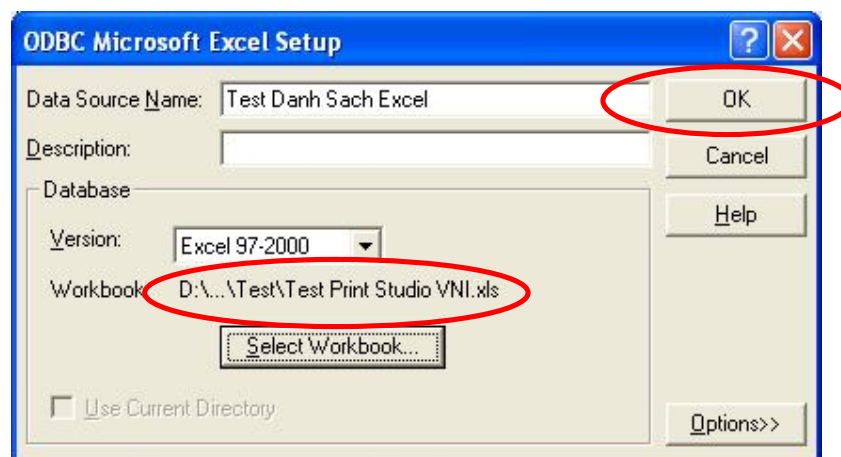


Nhập tên cho nguồn sơ sở dữ liệu trong khung **Data Source Name**
Trong khung **Version**, chúng ta sẽ chọn version cho file Excel mà chúng ta tạo. Sau đó chọn **Select Workbook** để chọn đường dẫn tới file nguồn Excel.



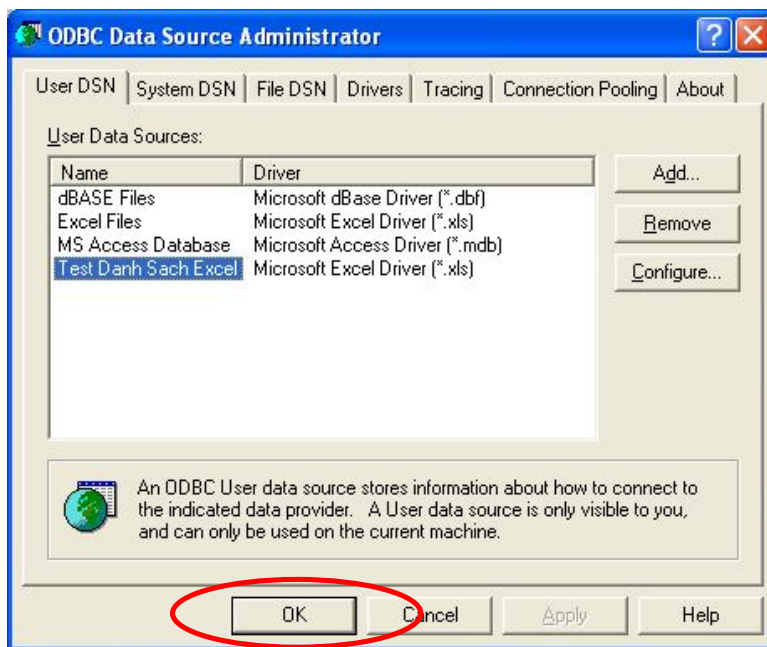


Sau khi chọn đúng file Excel cần kết nối, chúng ta nhấp chọn **OK**.
Sau đó bạn sẽ nhìn thấy đường dẫn xuất hiện trong **Workbook**.

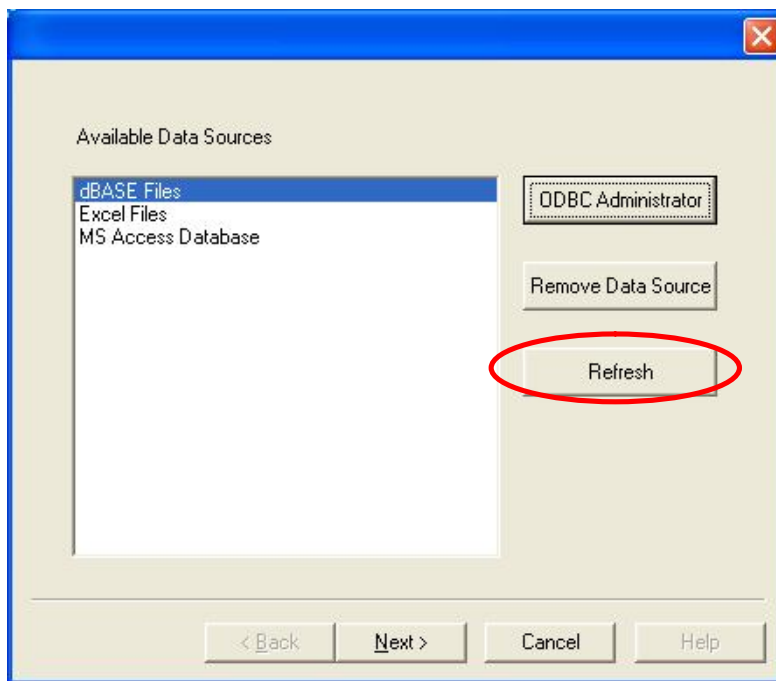


Sau đó nhấp **OK**.



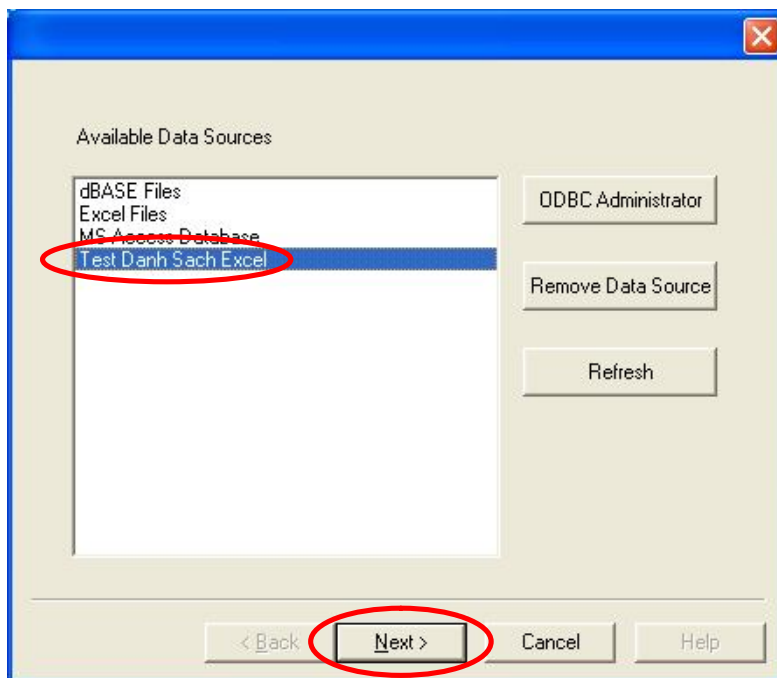


Cửa sổ **ODBC Data Source Administrator** xuất hiện **Microsoft Excel Driver** bên khung **Driver**. Sau đó nhấp chọn **OK** ở bên dưới.

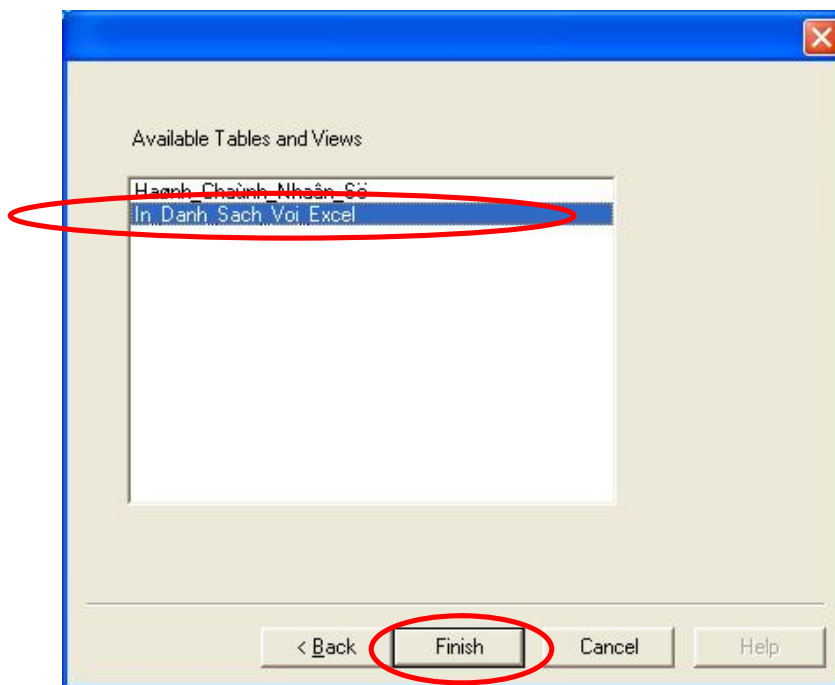


Sau khi nhấp **OK**, cửa sổ **Available Date Source** không xuất hiện dữ liệu **Data Source** mà chúng ta vừa mới tạo, chúng ta cần phải nhấp vào **Refresh**.





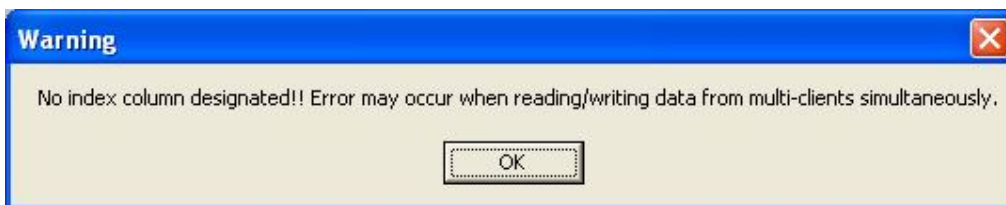
Chú ý rằng khi chúng ta nhấp **Refresh** thì dữ liệu **Data Source** mà chúng ta mới tạo sẽ xuất hiện trong danh sách trong khung. Sau khi chọn nguồn cơ sở dữ liệu, chúng ta nhấp vào **Next**.



Cửa sổ **Available Table and Views** xuất hiện tên của bản dữ liệu, nếu bạn tạo nhiều hơn 1 bảng trong file Excel thì ở đây sẽ xuất hiện tên của các bảng đó và bạn cần phải chọn cho đúng bảng dữ liệu.

Sau đó nhấp chọn **Finish**.

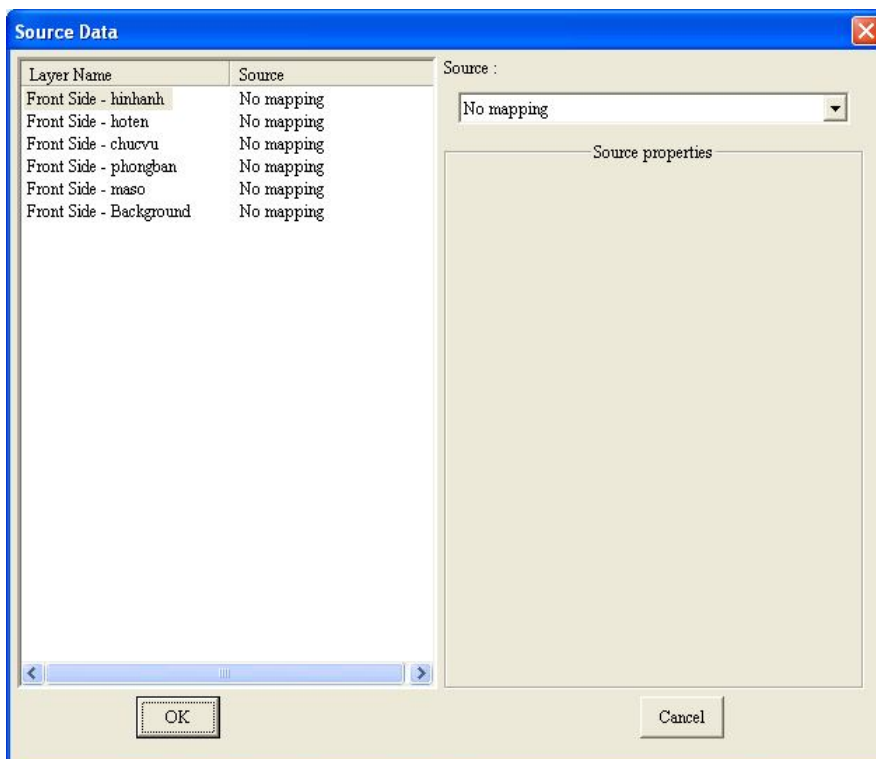
*Chú ý: sau khi bạn nhấn chọn **Finish** thì phần mềm **Card Desiree CS** sẽ đưa toàn bộ tên trường dữ liệu từ bảng dữ liệu mà bạn đã chọn trước đó.*



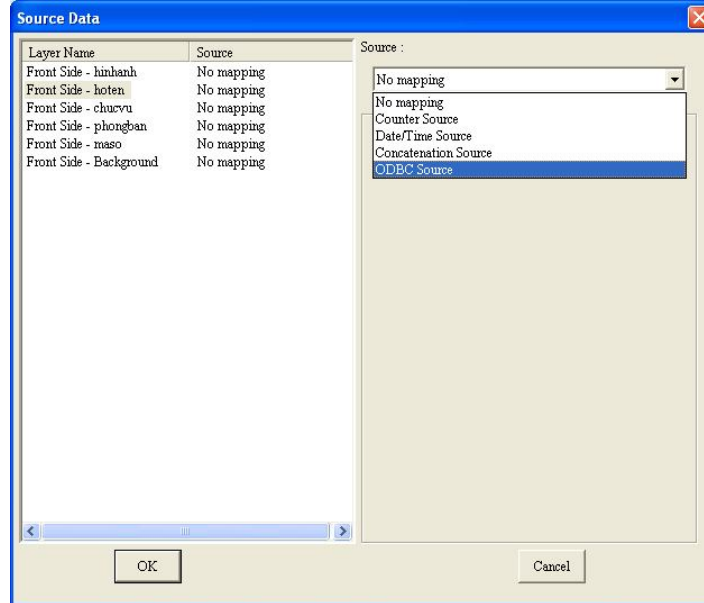
Bỏ qua dòng tin nhắn báo lỗi này.

Bước 4: Bắt đầu sắp xếp các nguồn dữ liệu tới Card Desiree CS.

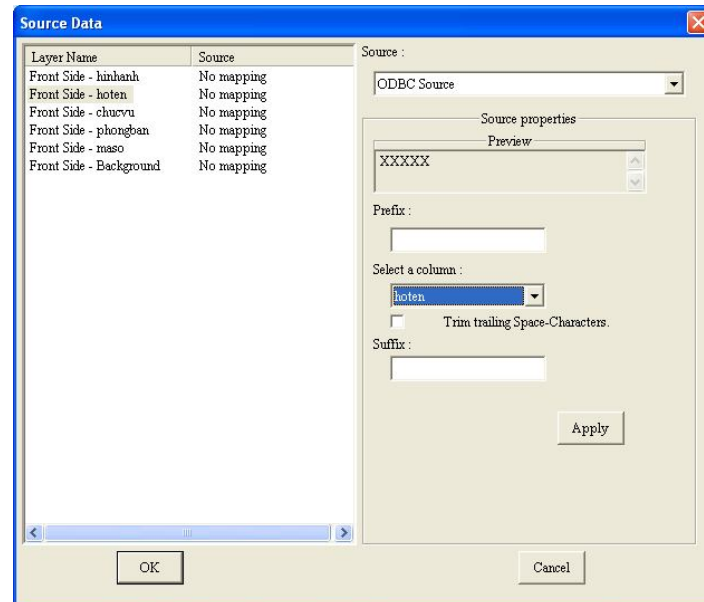
Bắt đầu sắp xếp các trường dữ liệu trong thẻ tương ứng với các trường dữ liệu trong file Excel.



Tương ứng với mỗi trường dữ liệu thẻ chúng ta sẽ chọn bên khung **Source** là **ODBC Source**.



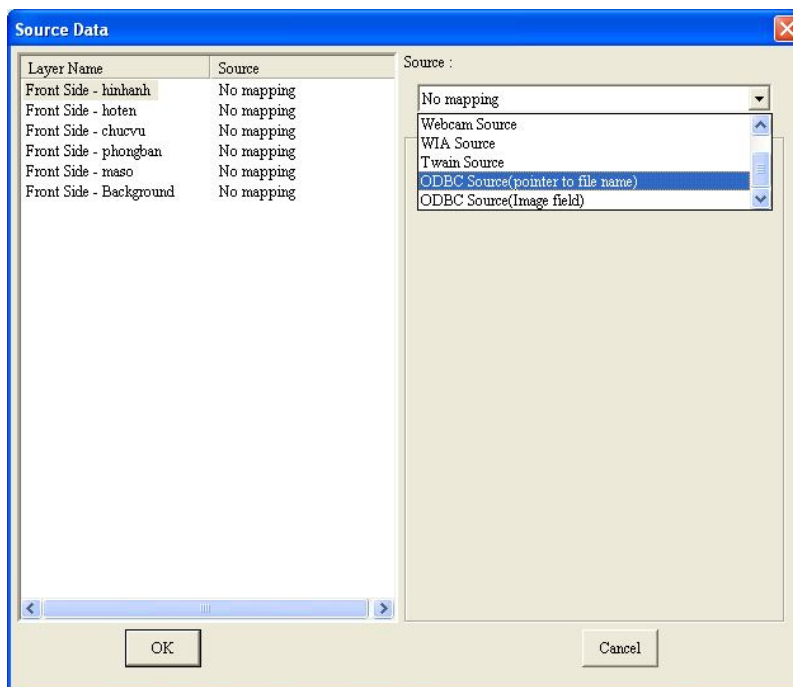
Khi đó thuộc tính của **ODBC Source** sẽ xuất hiện bên dưới. Chúng ta sẽ tiến hành kết nối dữ liệu thiết kế bên thẻ dữ liệu trong file Excel mà trước đây chúng ta đã chọn tương ứng với tên các trường với nhau.



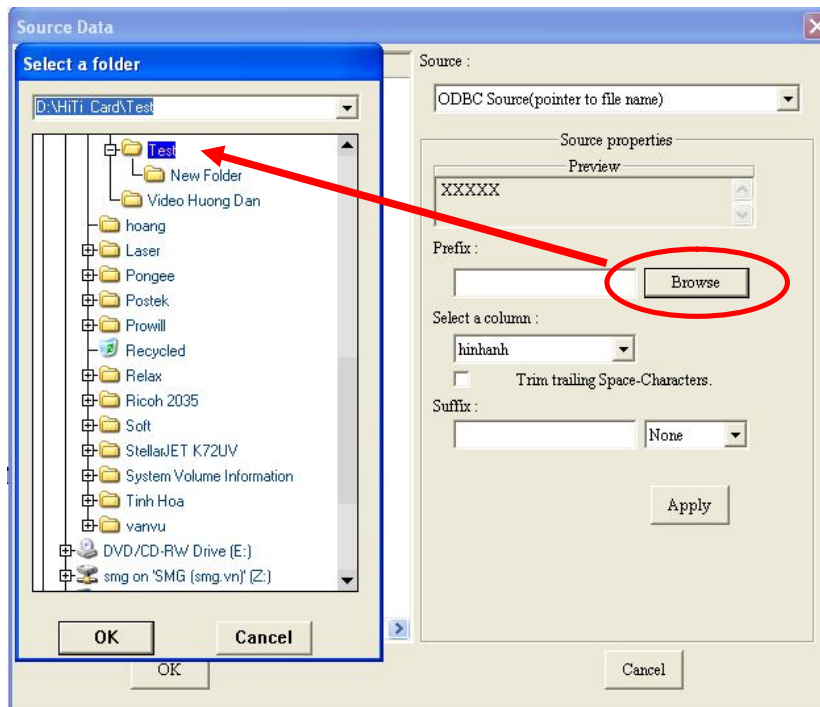
Tất cả các loại trường dữ liệu bên trên là dạng **TEXT**, còn đối với dạng hình ảnh thì chúng ta có một vài sự khác biệt như sau.

Sau mỗi lần lựa chọn và kết nối, chúng ta nhấn **Apply** để xác nhận việc kết nối. Chúng ta còn có thể điền thêm các thông tin tiền tố **Prefix** và hậu tố **Suffix** cho mỗi trường dữ liệu





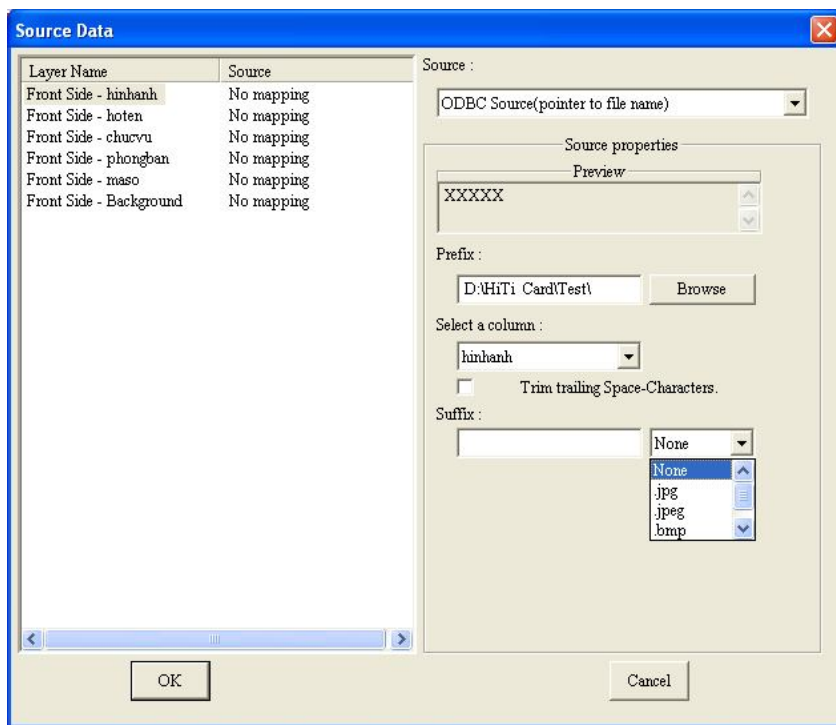
Trước tiên ta chọn trường **hinhanh** bên **Layer Name** của file thiết kế thẻ, tương ứng ta nhấp chọn **ODBC Source (pointer to file name)** bên khung **Source**. Sau đó ta sẽ tiến hành thực hiện các thuộc tính của trường hình ảnh như sau.



Chọn cho đúng folder chứa hình ảnh bằng cách chọn đường dẫn cho Prefix. Sau đó nhấp chọn OK.



Ở ô **Select a column** chúng ta sẽ chọn cột trường tên của hình ảnh
 Ở ô **suffix** chúng ta sẽ chọn loại định dạng cho hình ảnh (có thể là .jpg, .gif, .bmp,.....) sau đó nhấp chọn Apply.



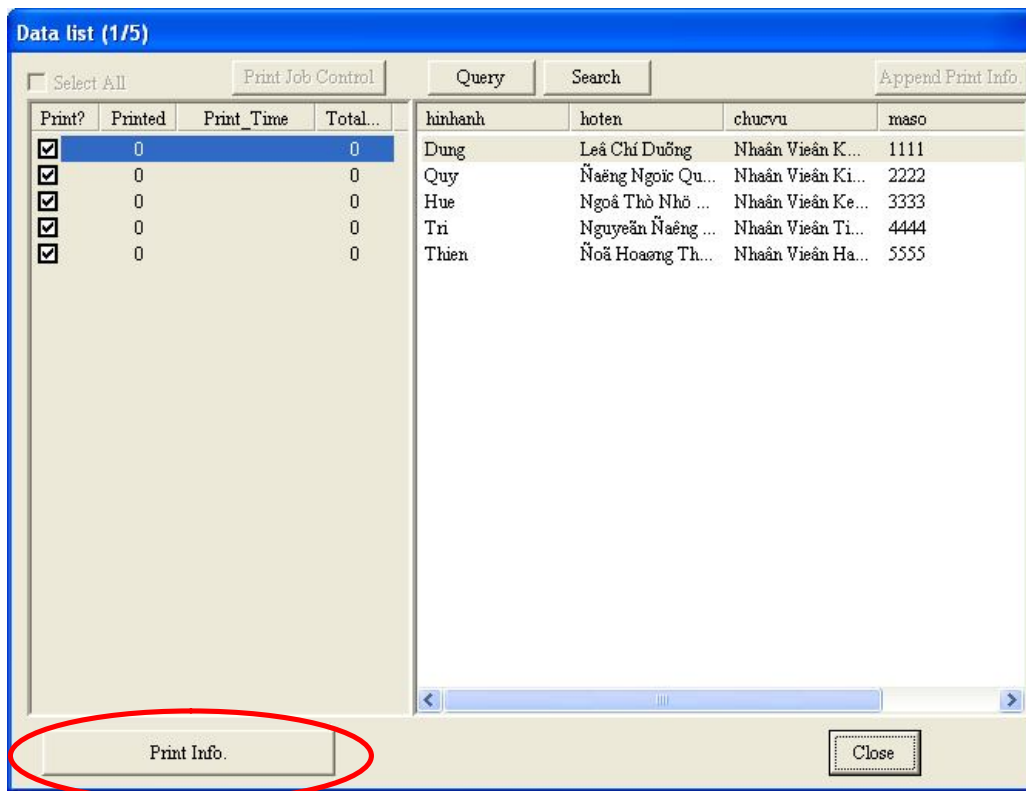
Kết nối cơ sở dữ liệu giữa Excel và phần mềm **Card Desiree CS** là hoàn thành.



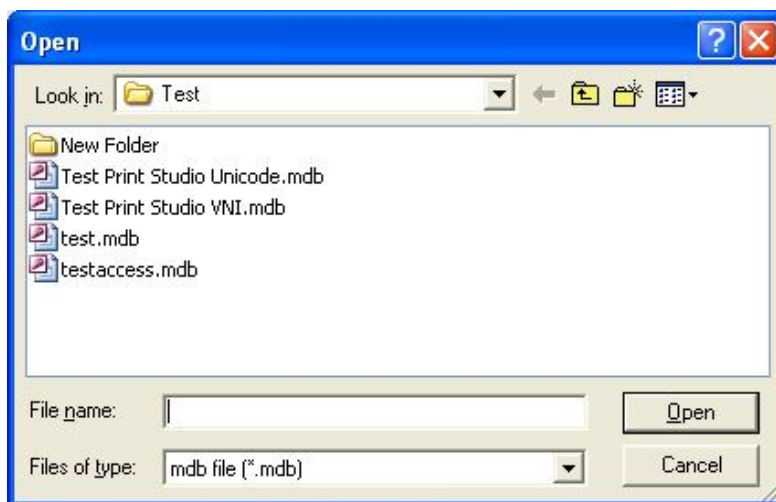
Bạn có thể kiểm tra dữ liệu bằng cách nhấn các nút nhấn qua lại để kiểm tra các dữ liệu liên kết có đúng hay không.



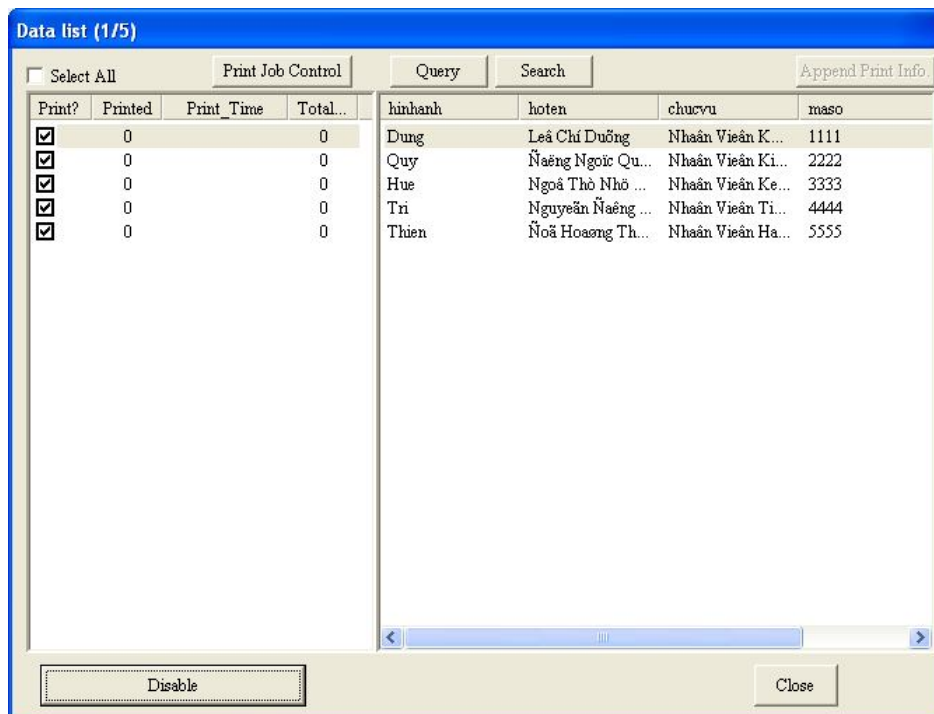
Để tiến hành in hàng loạt, bạn phải mở **Database** → **record list**



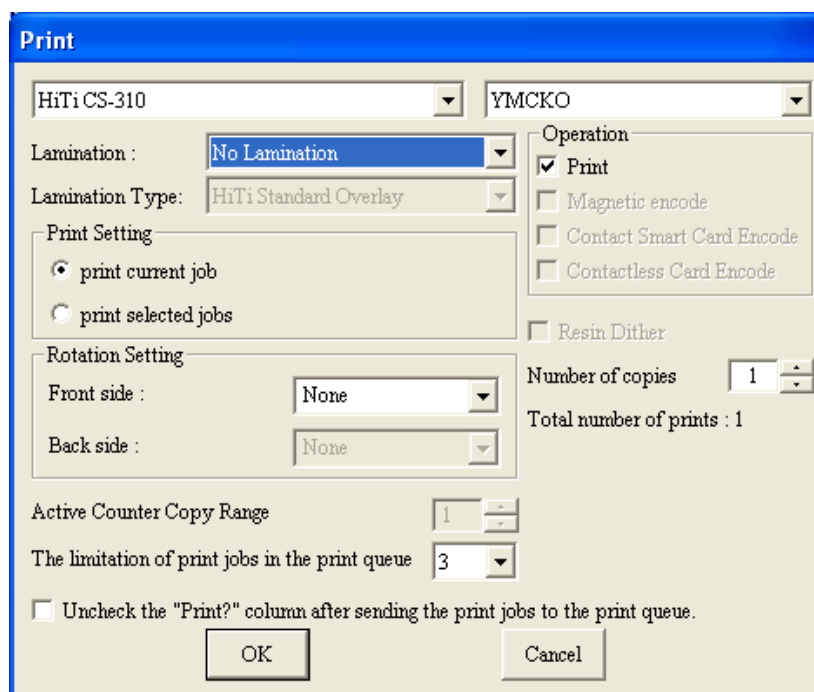
Nhấp vào **Print Info** rồi lưu file này lại với tên bất kỳ.



Sau đó thì chúng ta mới có thể tiến hành chọn thẻ nào cần in thẻ nào không cần in.



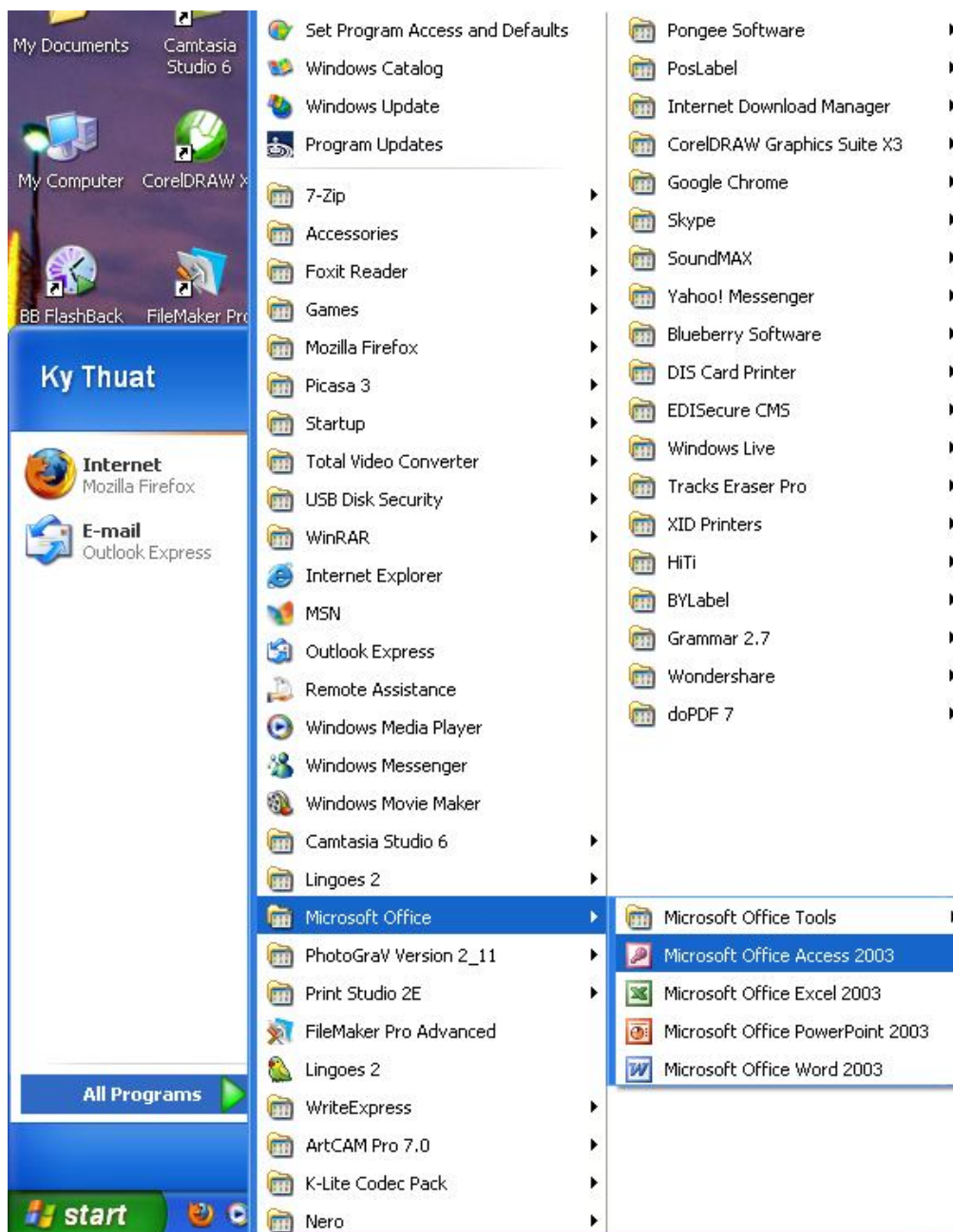
Để in thẻ thì bạn nhấp vào biểu tượng  để in.



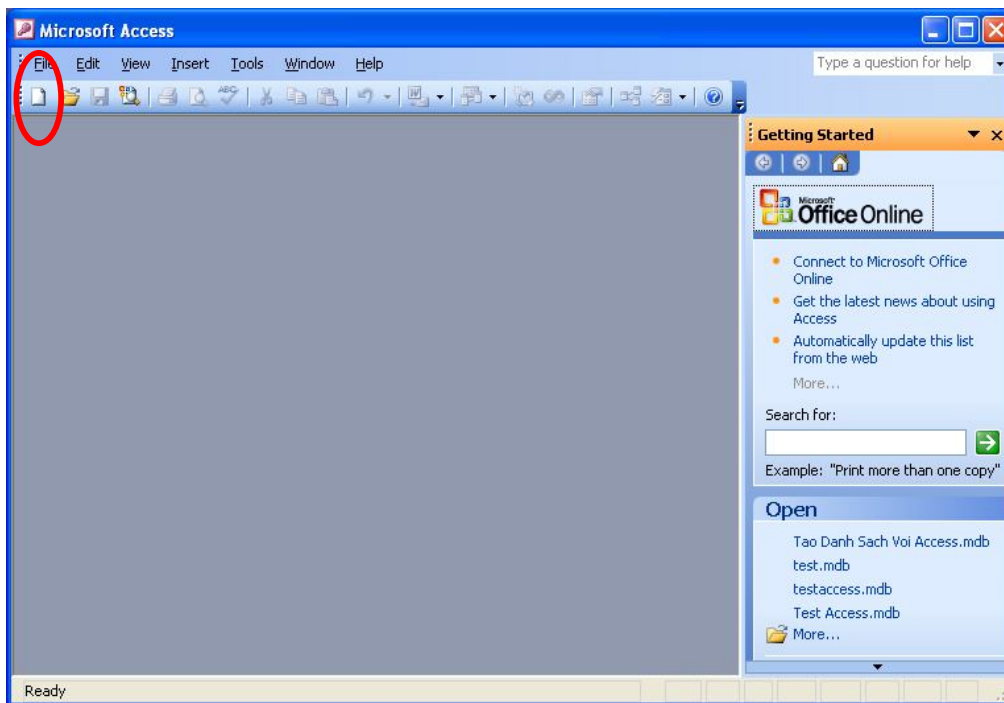
B - KẾT NỐI DỮ LIỆU VỚI ACCESS

I – TẠO CƠ SỞ DỮ LIỆU EXCEL:

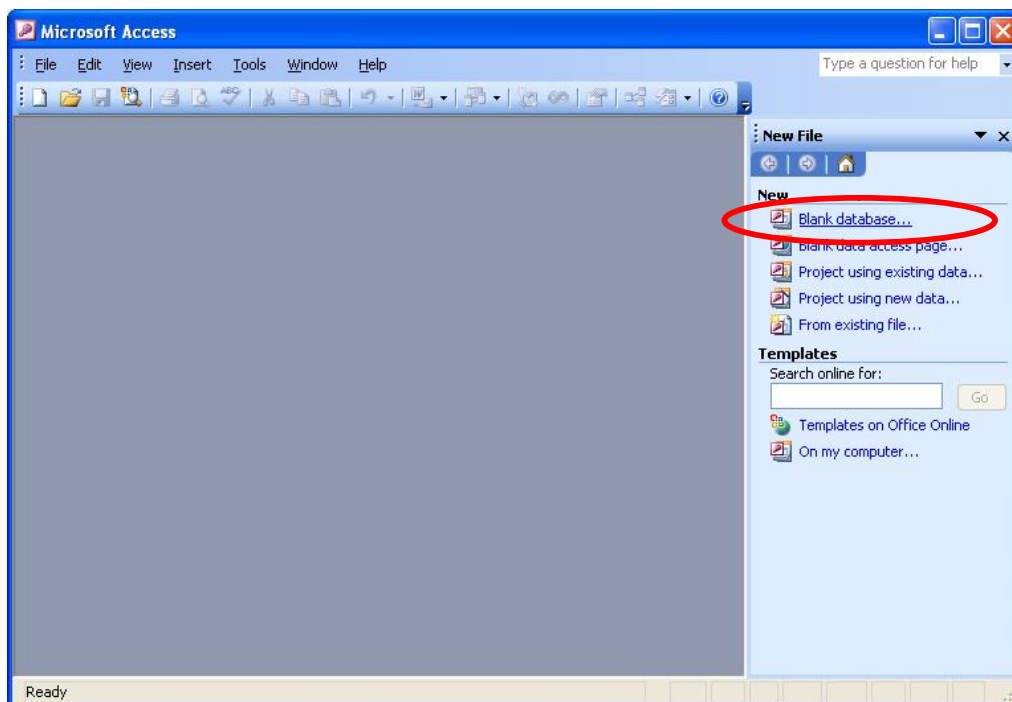
Cài đặt Microsoft Office Access 2000 hay 2003 vào máy tính, nhấn **Start** → **Program files** → **Microsoft Office Access 2003**.



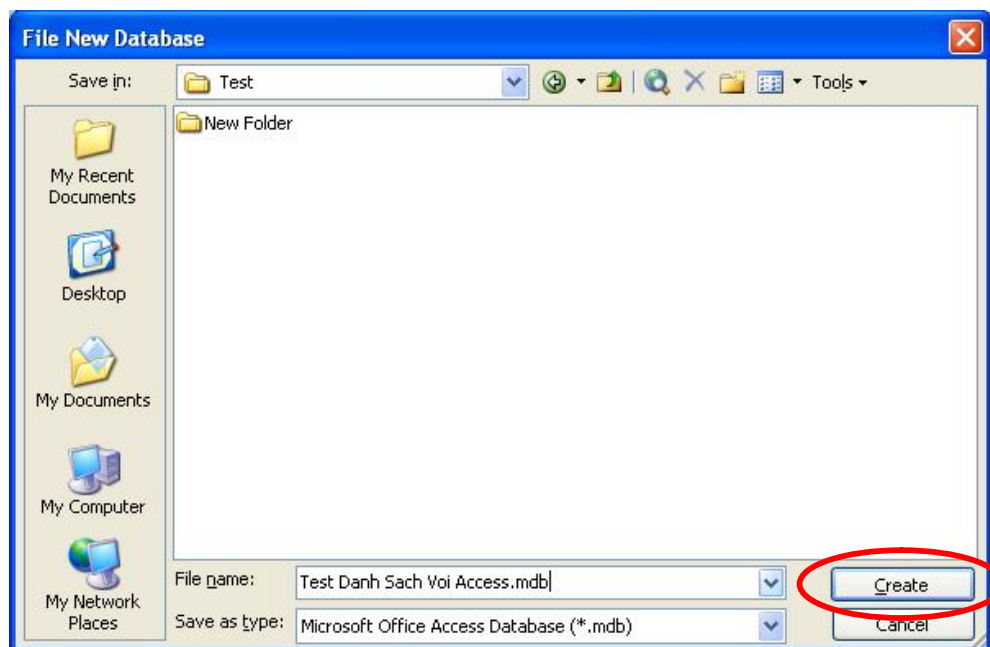
Chọn **File** → **New** hoặc nhấp chọn biểu tượng màu trắng trong hình để tạo một bảng danh sách Access mới.



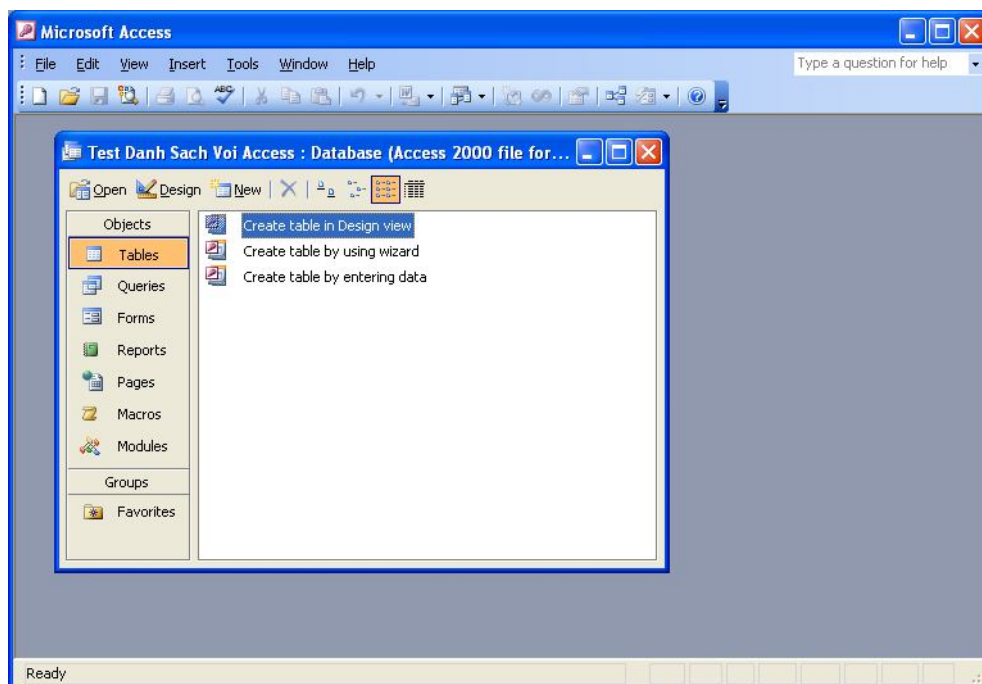
Nhấp chọn **Blank Database...**



Đặt tên và chọn đường dẫn để lưu danh sách access này:

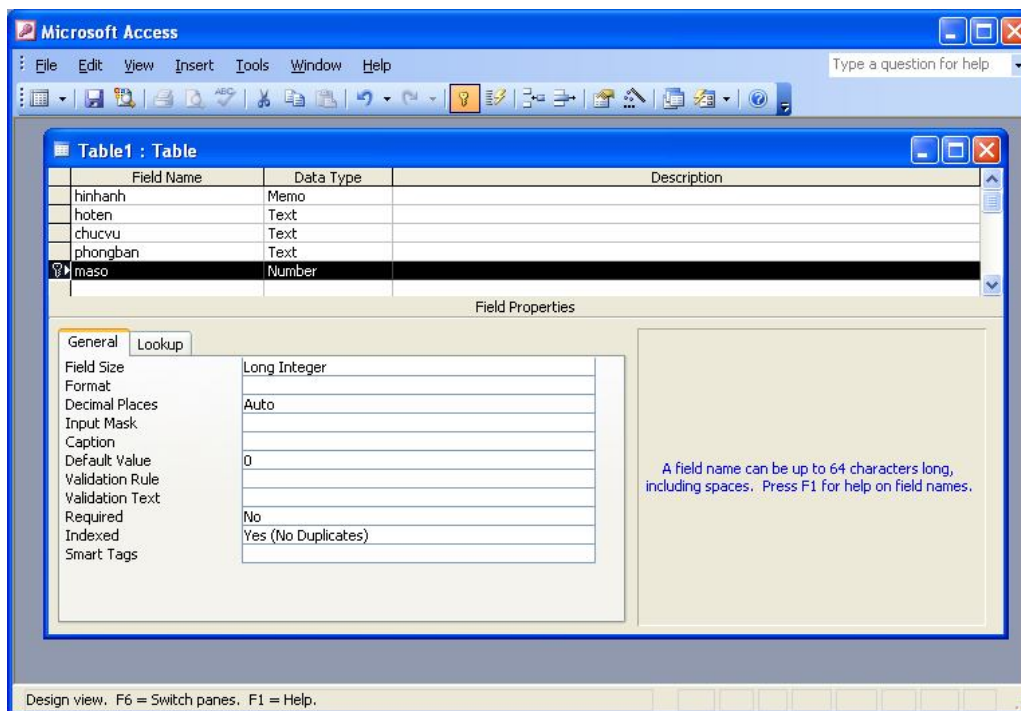


Nhấp **Create** để tạo bảng dữ liệu access.



Nhấp vào **Create table in Design view** để tạo bảng trường dữ liệu liên kết với thẻ.
Nhập tên các trường dữ liệu mà chúng ta sẽ liên kết với thẻ để tiến hành in hàng loạt.





Field Name: Nhập tên của trường dữ liệu (ở đây là hinhanh, hoten, chucvu, maso, phongban,...)

Data type: Thể hiện dạng dữ liệu của trường. Việc chọn loại dữ liệu này rất quan trọng, ví dụ như hoten thì bạn chọn dạng “text”, ngày tháng năm sinh thì chọn loại “Date & Time”, hình ảnh thì chọn dạng “memo”,.....

Chú ý: Chúng ta phải chọn một trường làm **Primary Key** để nhận dạng sự khác nhau của các hàng dữ liệu, tránh sự trùng lặp (Ở đây ta chọn trường maso làm **Primary Key**).

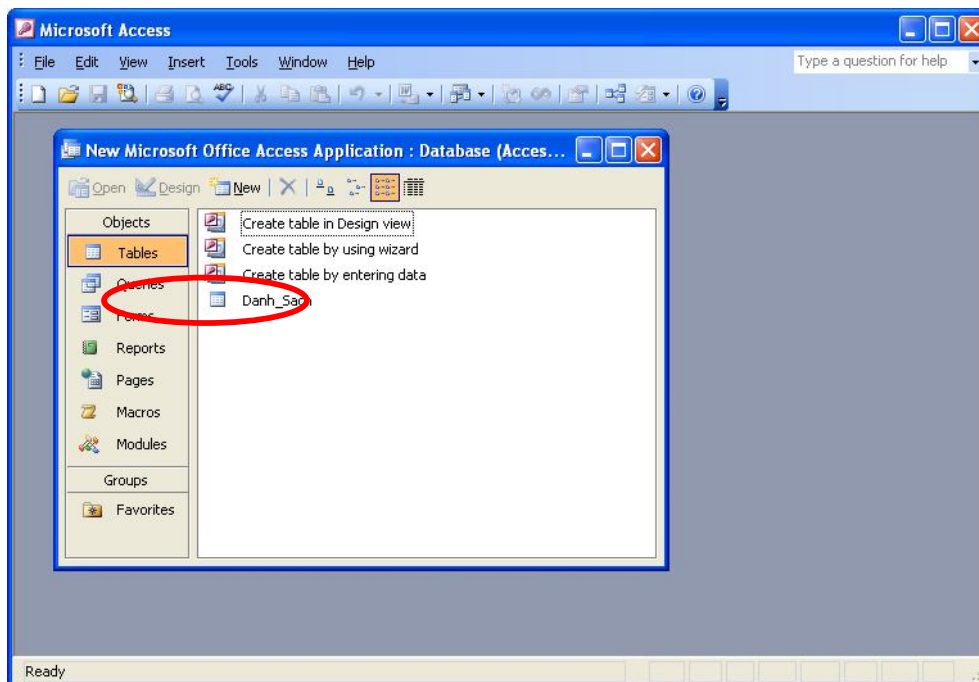
Nhấp **Save** để lưu bản trường danh sách này lại



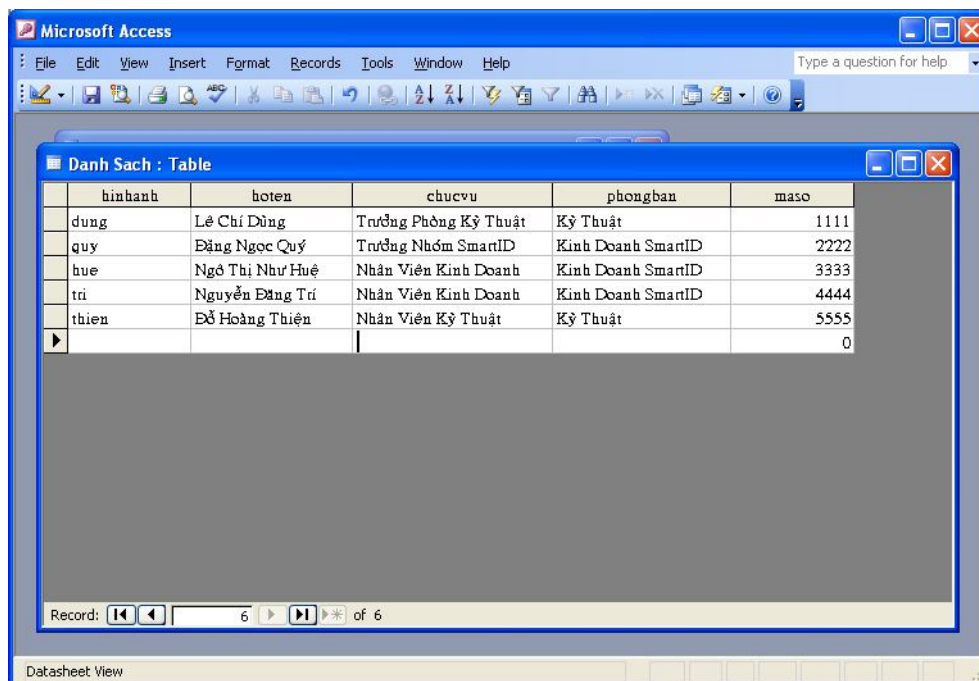
Chú ý: Giữa các tên không được có khoảng trắng



Khi đó sẽ xuất hiện một bảng dữ liệu trong file Access này, chúng ta sẽ mở file này lên



Nhập dữ liệu cần kết nối in hàng loạt



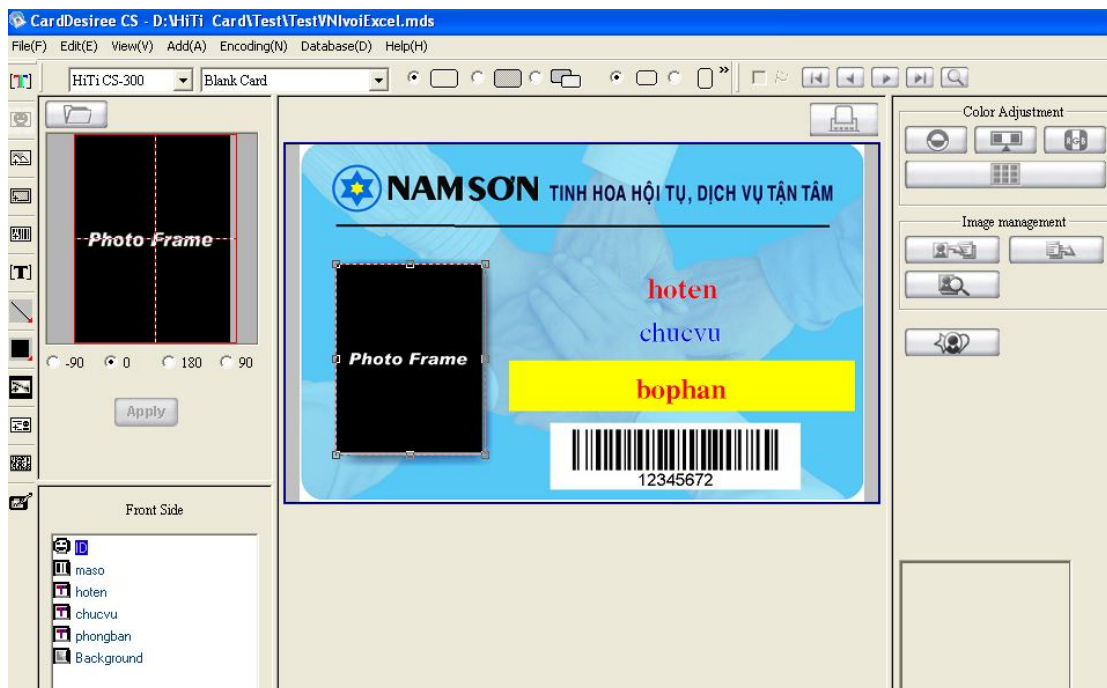
Primary Key các hàng dữ liệu phải khác nhau, không được trùng nhau.



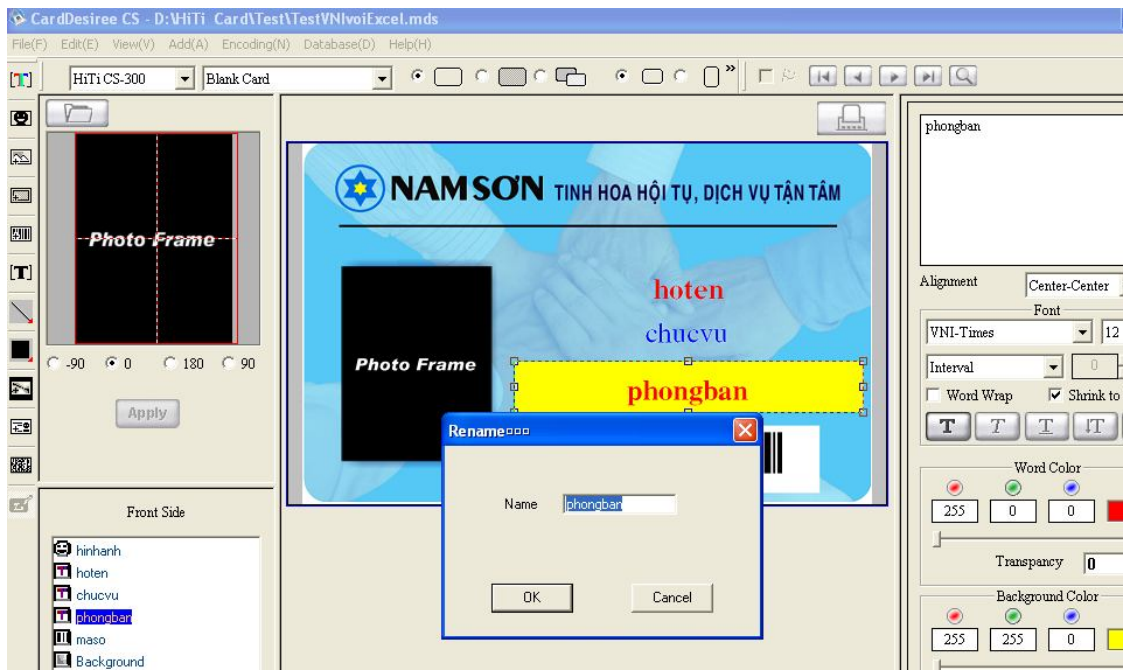
II – KẾT NỐI DỮ LIỆU ACCESS TRONG PHẦN MỀM CARD DESIREE CS:

Bước 1: Thiết kế thẻ.

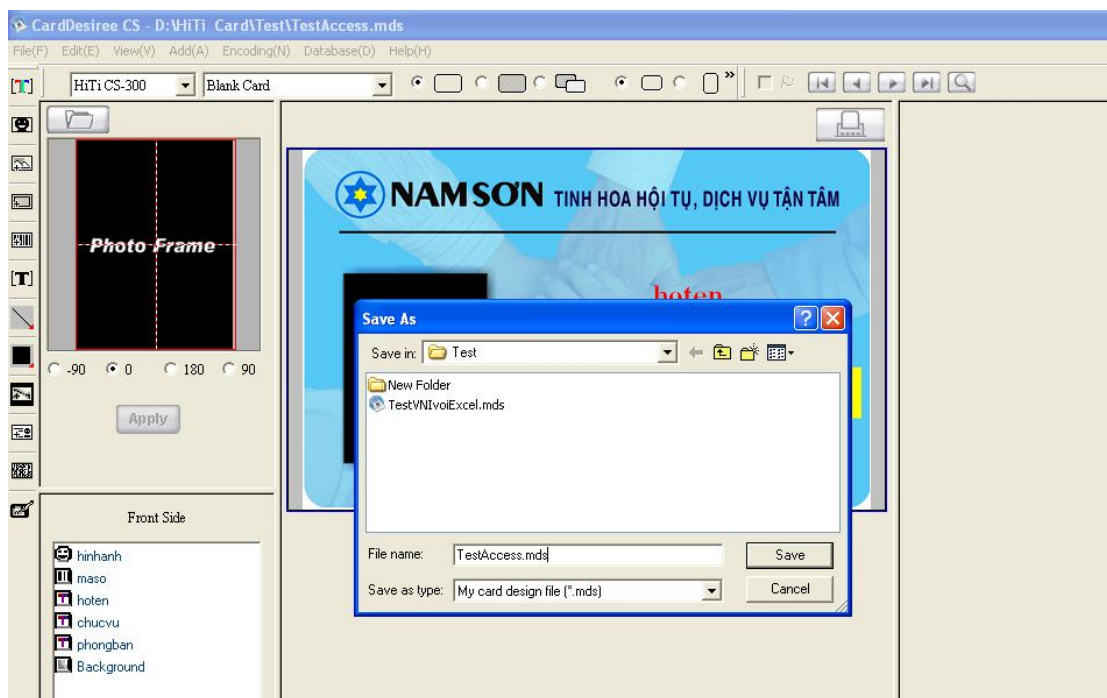
Trước khi kết nối với cơ sở dữ liệu, chúng ta cần phải thiết kế thẻ.



Để thuận tiện, chúng ta cũng có thể thay đổi tên rồi sắp xếp thứ tự các trường dữ liệu trong thẻ tương ứng với thứ tự cột trường dữ liệu trong file Access.

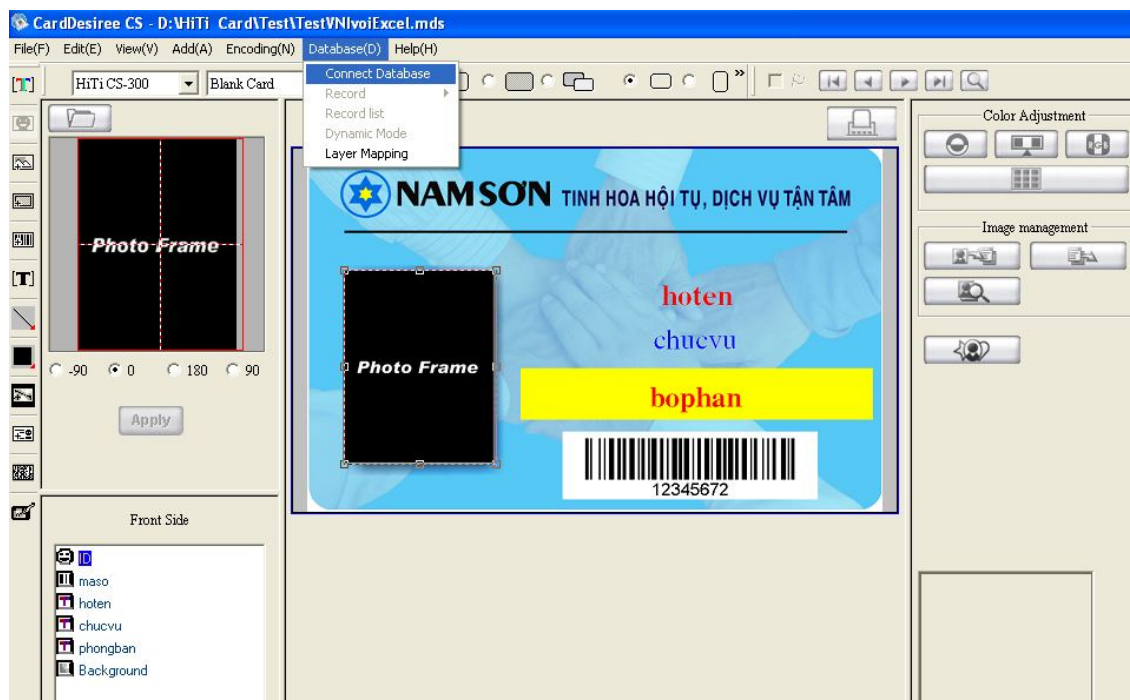


Sau đó lưu file thiết kế thẻ lại.



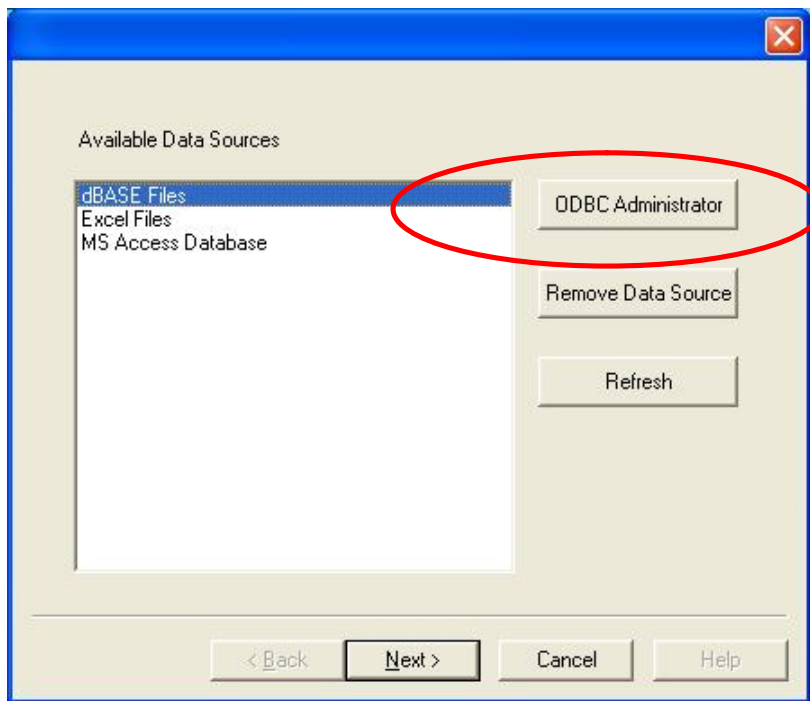
Bước 2: Kết nối với dữ liệu Access.

Chúng ta bắt đầu kết nối dữ liệu bằng cách nhấp vào **Database** → **Connect Database** trong phần mềm **Card Desiree CS**.

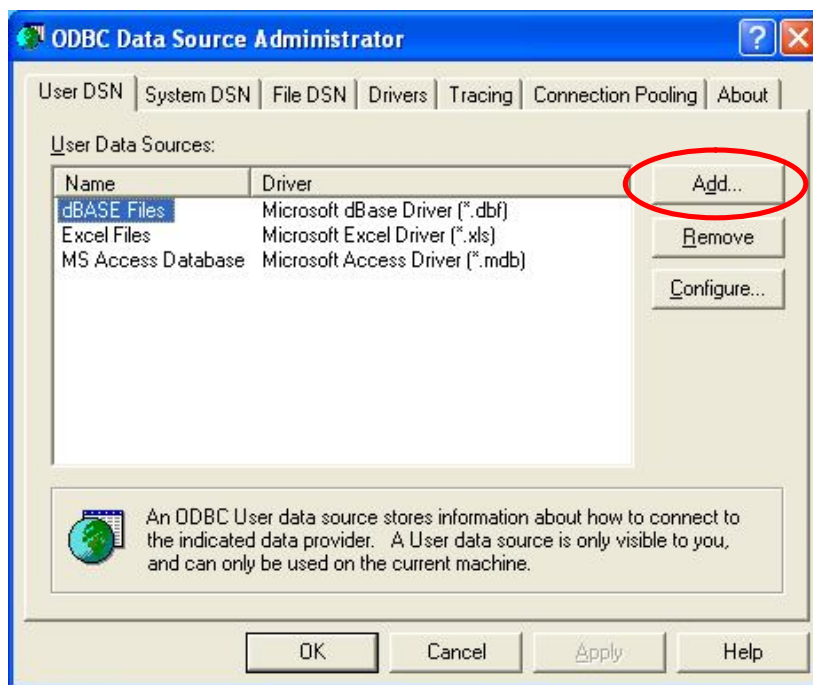


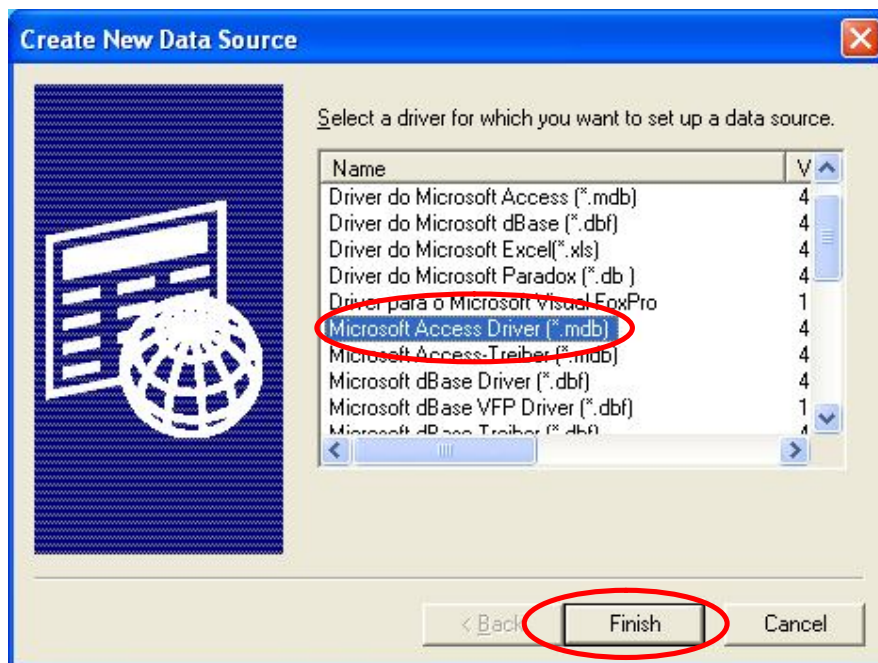
Bước 3: Tạo nguồn dữ liệu.

Nhấp chọn **ODBC Administrator**.



Cửa sổ **ODBC Data Source Administrator** sẽ xuất hiện, nhấp chọn **Add**.



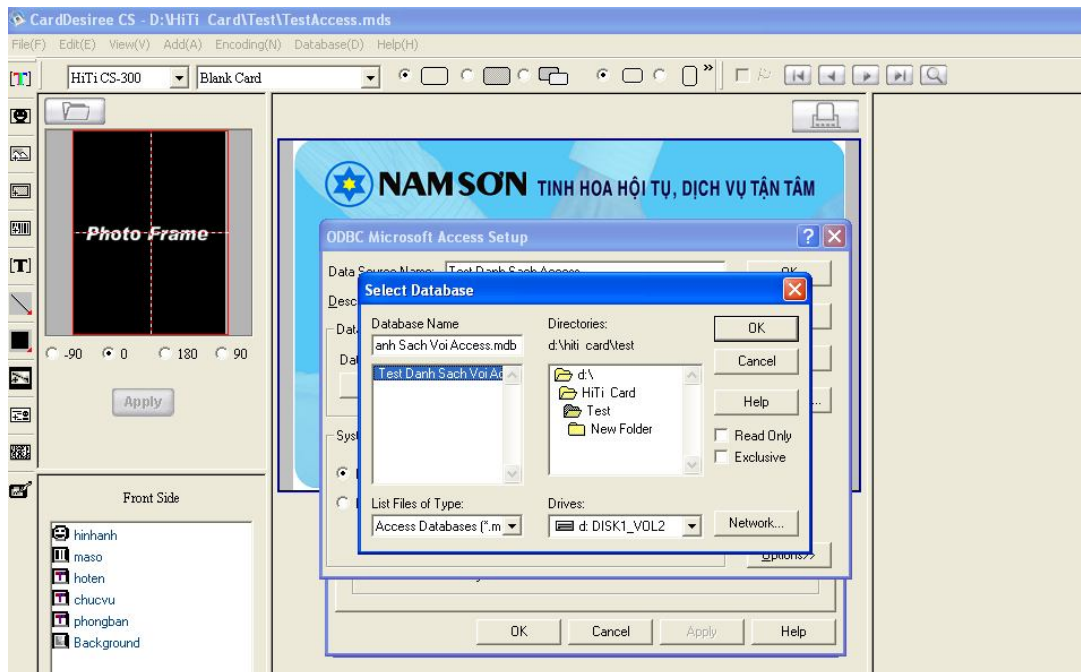


Nhập chọn **Microsoft Access Driver (*.xls)**.
Sau đó nhập chọn **Finish** xuất hiện bên dưới.

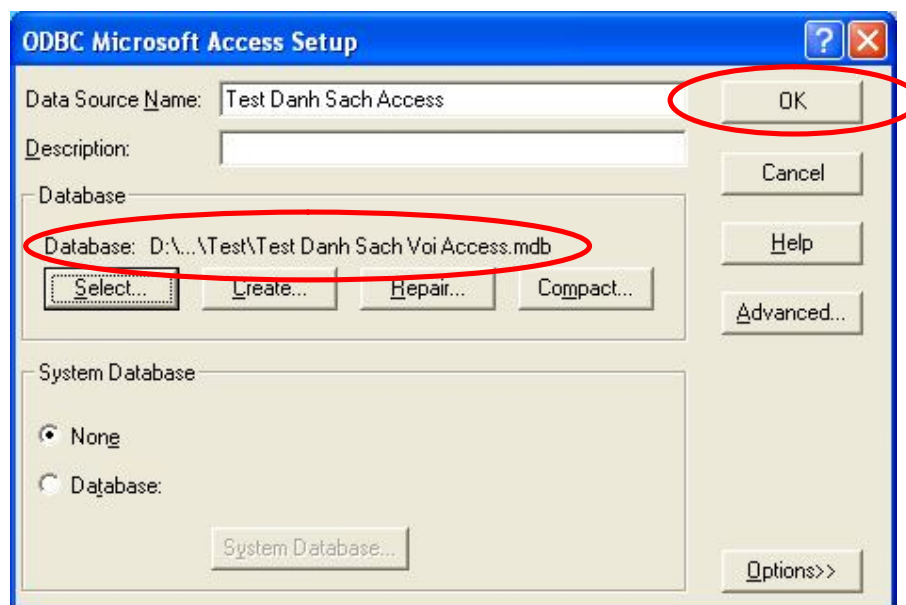


Nhập tên cho nguồn sơ sở dữ liệu trong khung **Data Source Name**
Trong khung **Database**, chúng ta sẽ chọn đường dẫn tới file nguồn Access bằng cách
nhập vào **Select...**



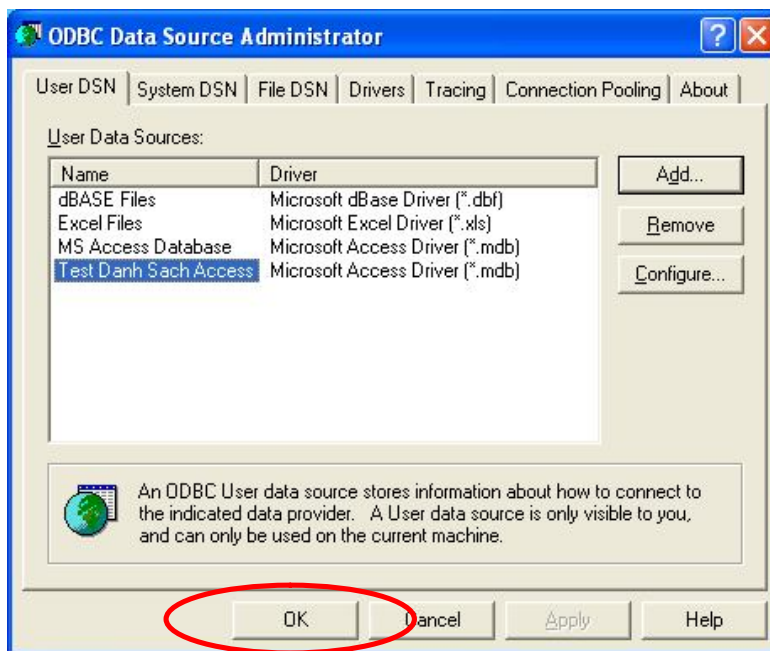


Sau khi chọn đúng file Access cần kết nối, chúng ta nhấp chọn **OK**.
Sau đó bạn sẽ nhìn thấy đường dẫn xuất hiện trong **Database**.

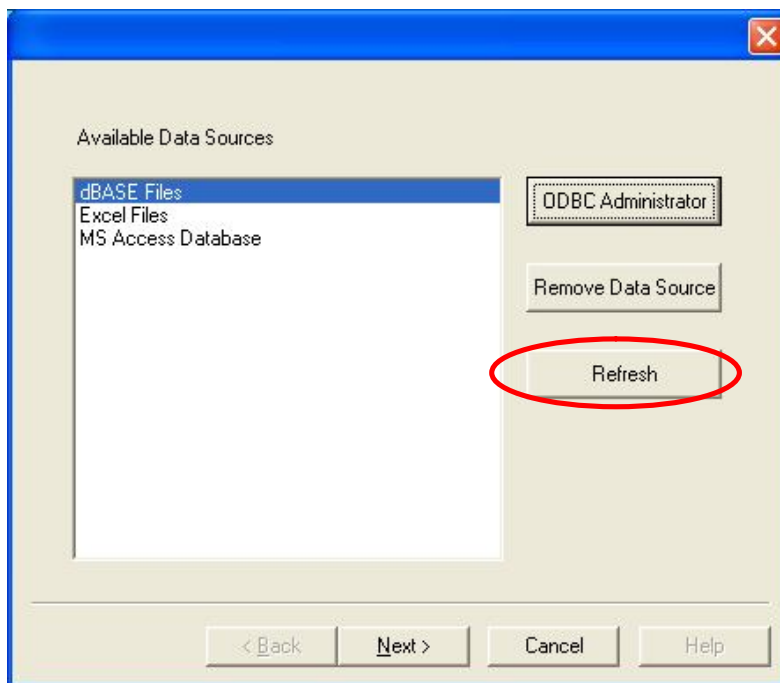


Sau đó nhấp **OK**.



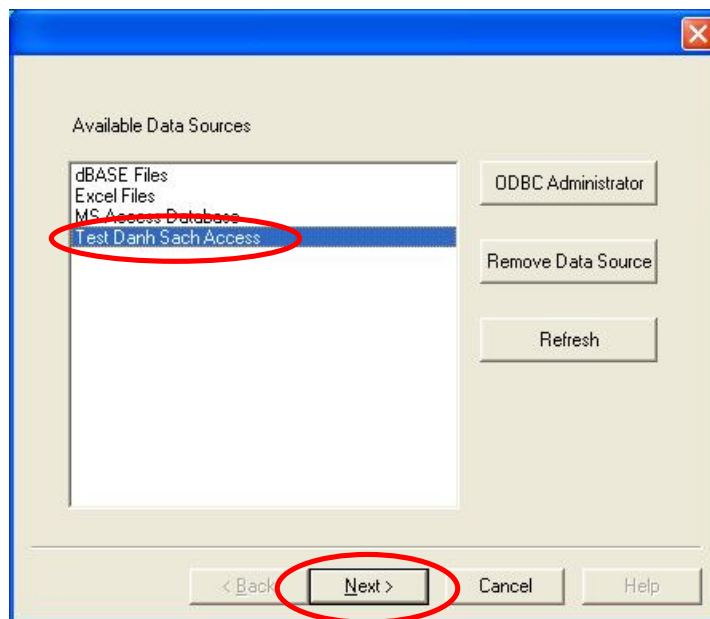


Cửa sổ **ODBC Data Source Administrator** xuất hiện **Microsoft Access Driver** bên khung **Driver** . Sau đó nhấp chọn **OK** ở bên dưới.

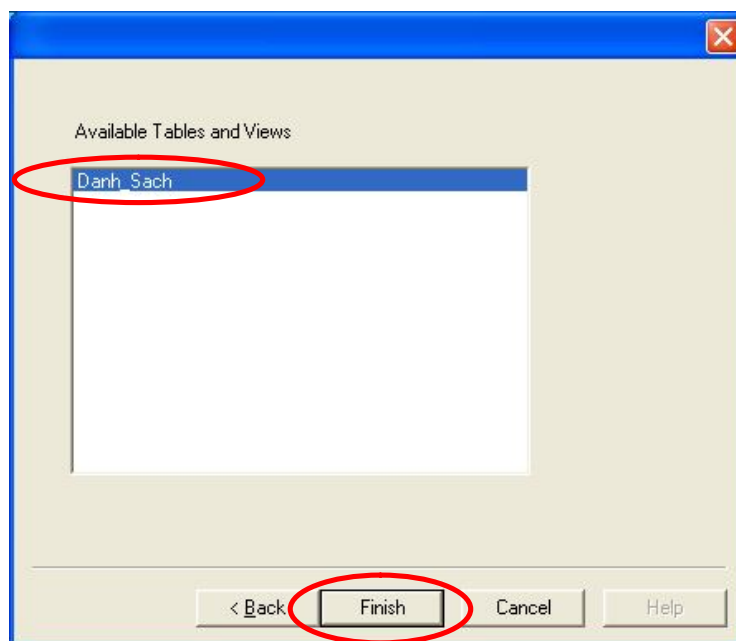


Sau khi nhấp **OK**, cửa sổ **Available Date Source** không xuất hiện dữ liệu **Data Source** mà chúng ta vừa mới tạo, chúng ta cần phải nhấp vào **Refresh**.





Chú ý rằng khi chúng ta nhấp **Refresh** thì dữ liệu **Data Source** mà chúng ta mới tạo sẽ xuất hiện trong danh sách trong khung. Sau khi chọn nguồn cơ sở dữ liệu, chúng ta nhấp vào **Next**.



Cửa sổ **Available Table and Views** xuất hiện tên của bản dữ liệu, nếu bạn tạo nhiều hơn 1 bảng trong file Excel thì ở đây sẽ xuất hiện tên của các bảng đó và bạn cần phải chọn cho đúng bảng dữ liệu.

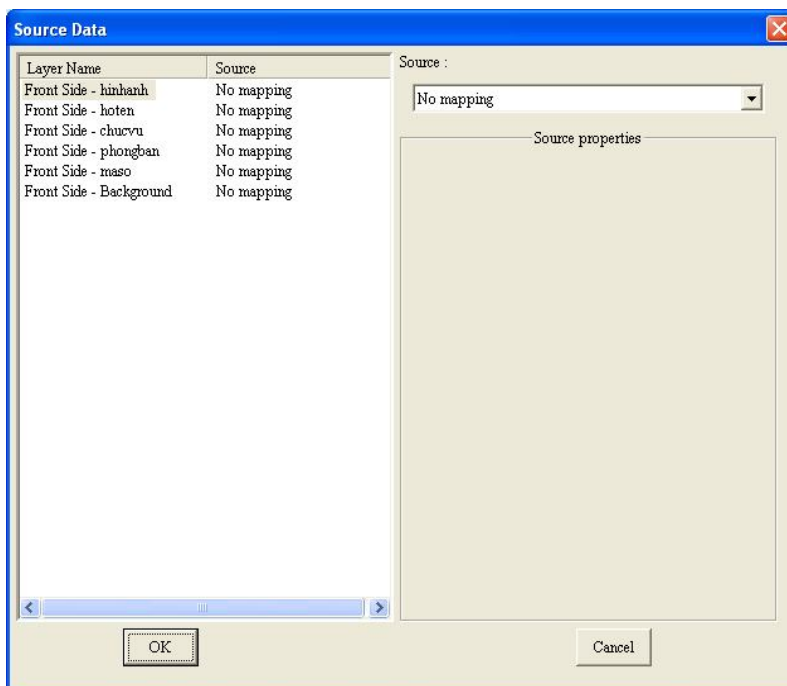
Sau đó nhấp chọn **Finish**.

Chú ý: sau khi bạn nhấn chọn **Finish** thì phần mềm **Card Desiree CS** sẽ đưa toàn bộ tên trường dữ liệu từ bảng dữ liệu mà bạn đã chọn trước đó.

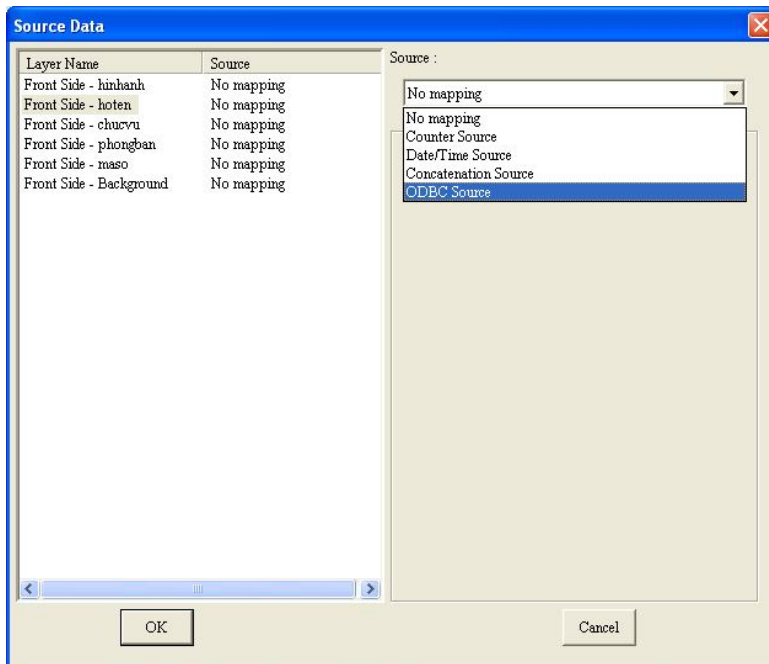


Bước 4: Bắt đầu sắp xếp các nguồn dữ liệu tới Card Desiree CS.

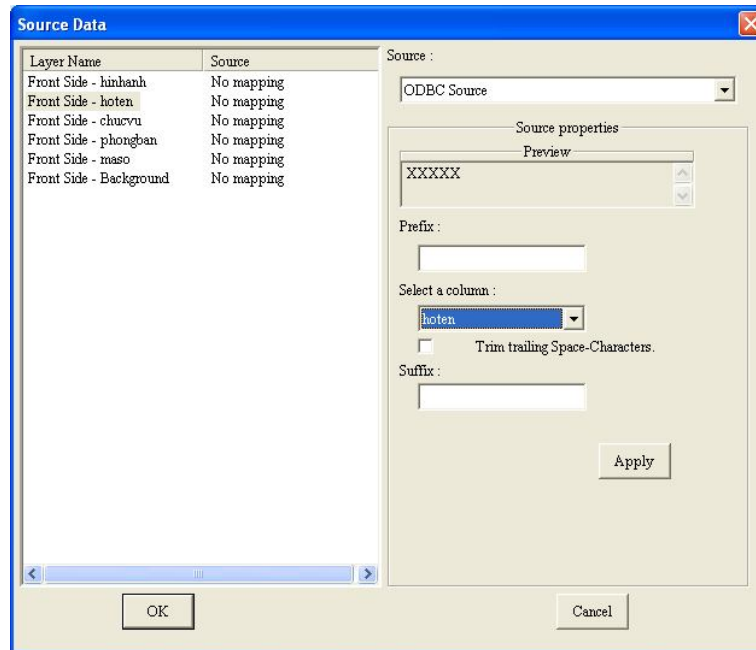
Bắt đầu sắp xếp các trường dữ liệu trong thẻ tương ứng với các trường dữ liệu trong file Access.



Tương ứng với mỗi trường dữ liệu thẻ chúng ta sẽ chọn bên khung **Source** là **ODBC Source**.

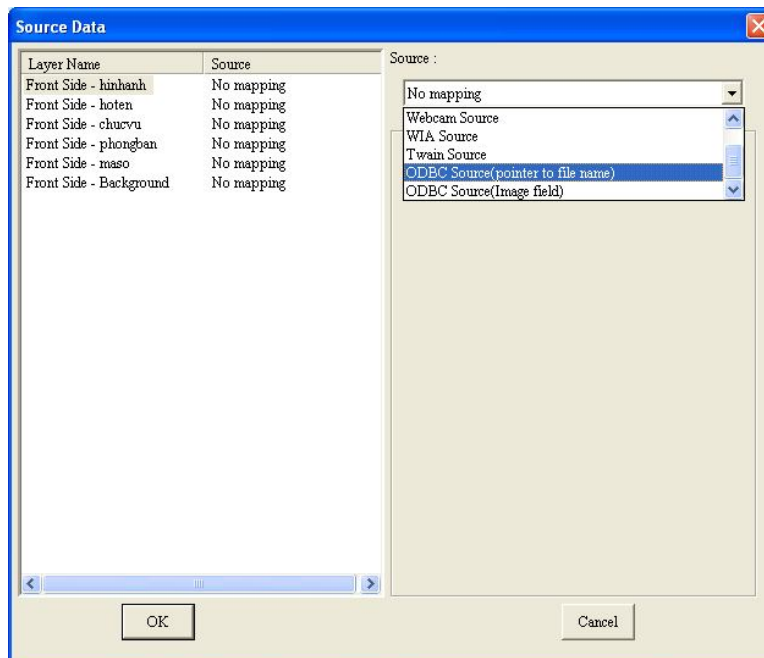


Khi đó thuộc tính của **ODBC Source** sẽ xuất hiện bên dưới. Chúng ta sẽ tiến hành kết nối dữ liệu thiết kế bên thẻ với dữ liệu trong file Access mà trước đây chúng ta đã chọn tương ứng với tên các trường với nhau.

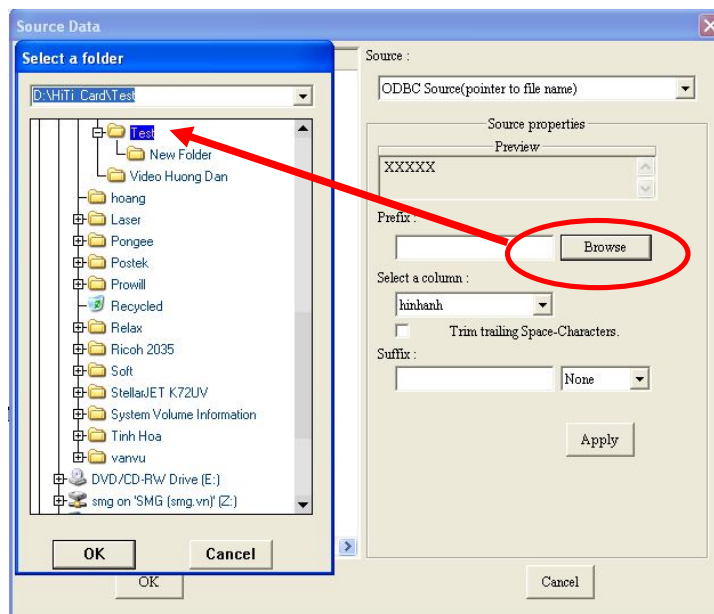


Tất cả các loại trường dữ liệu bên trên là dạng **TEXT**, còn đối với dạng hình ảnh thì chúng ta có một vài sự khác biệt như sau.

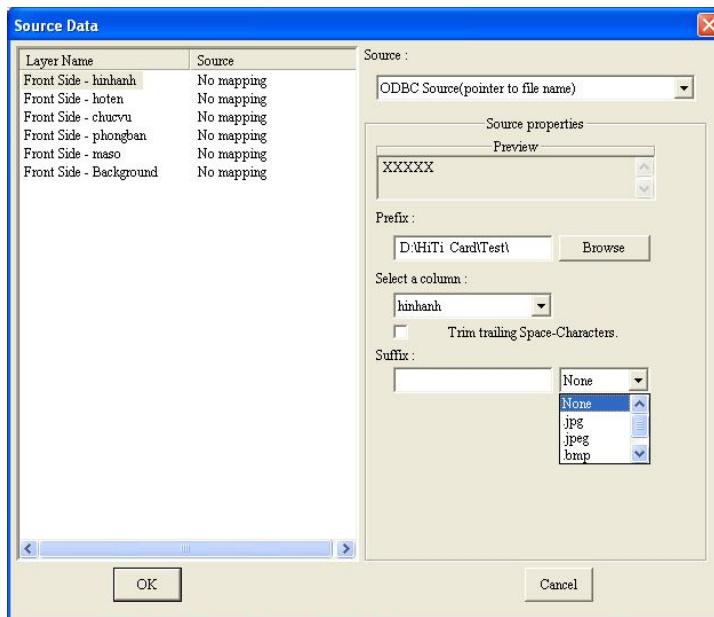
Sau mỗi lần lựa chọn và kết nối, chúng ta nhấn **Apply** để xác nhận việc kết nối. Chúng ta còn có thể điền thêm các thông tin tiền tố **Prefix** và hậu tố **Suffix** cho mỗi trường dữ liệu.



Trước tiên ta chọn trường **hinhanh** bên **Layer Name** của file thiết kế thẻ, tương ứng ta nhấp chọn **ODBC Source (pointer to file name)** bên khung **Source**. Sau đó ta sẽ tiến hành thực hiện các thuộc tính của trường hình ảnh như sau.

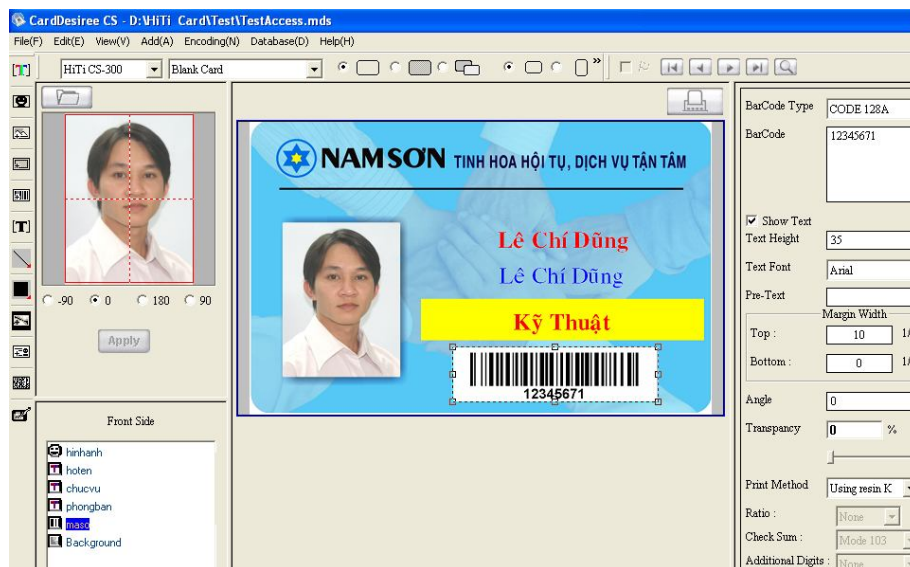


Chọn cho đúng folder chứa hình ảnh bằng cách chọn đường dẫn cho Prefix. Sau đó nhấp chọn OK. Ở ô **Select a column** chúng ta sẽ chọn cột trường tên của hình ảnh. Ở ô **suffix** chúng ta sẽ chọn loại định dạng cho hình ảnh (có thể là .jpg, .gif, .bmp,...) sau đó nhấp chọn Apply.



Kết nối cơ sở dữ liệu giữa Access và phần mềm **Card Desiree CS** như thế là hoàn thành.

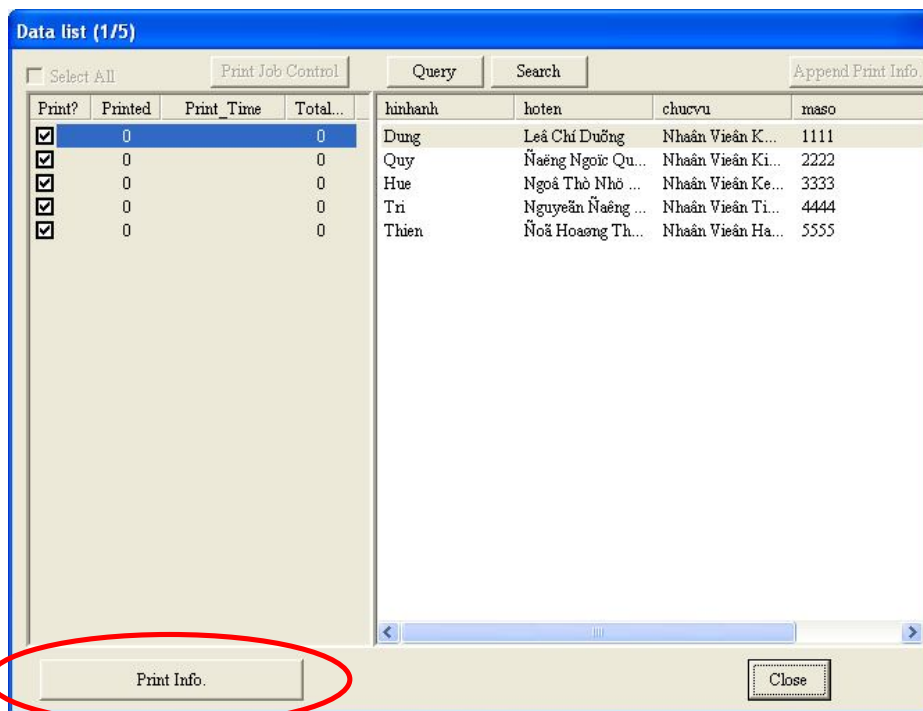




Bạn có thể kiểm tra dữ liệu bằng cách nhấn các nút nhấn qua lại để kiểm tra các dữ liệu liên kết có đúng hay không.

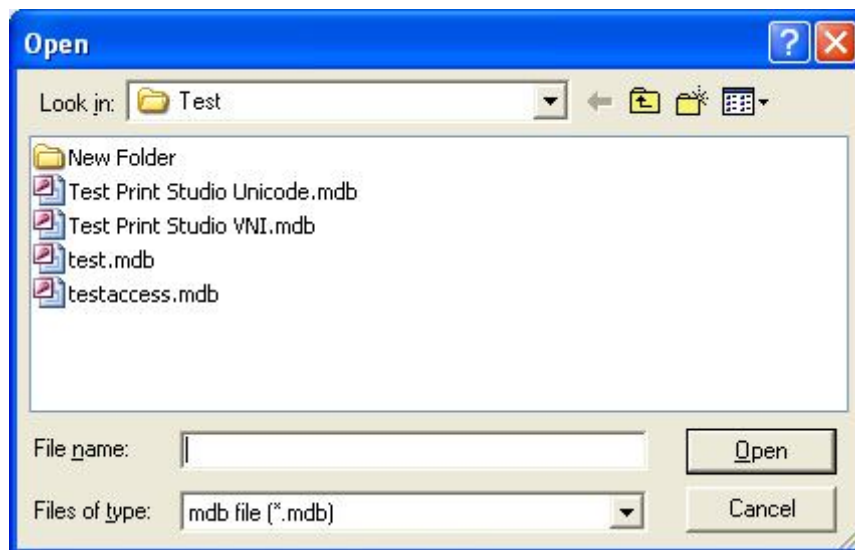


Để tiến hành in hàng loạt, bạn phải mở **Database** → **record list**

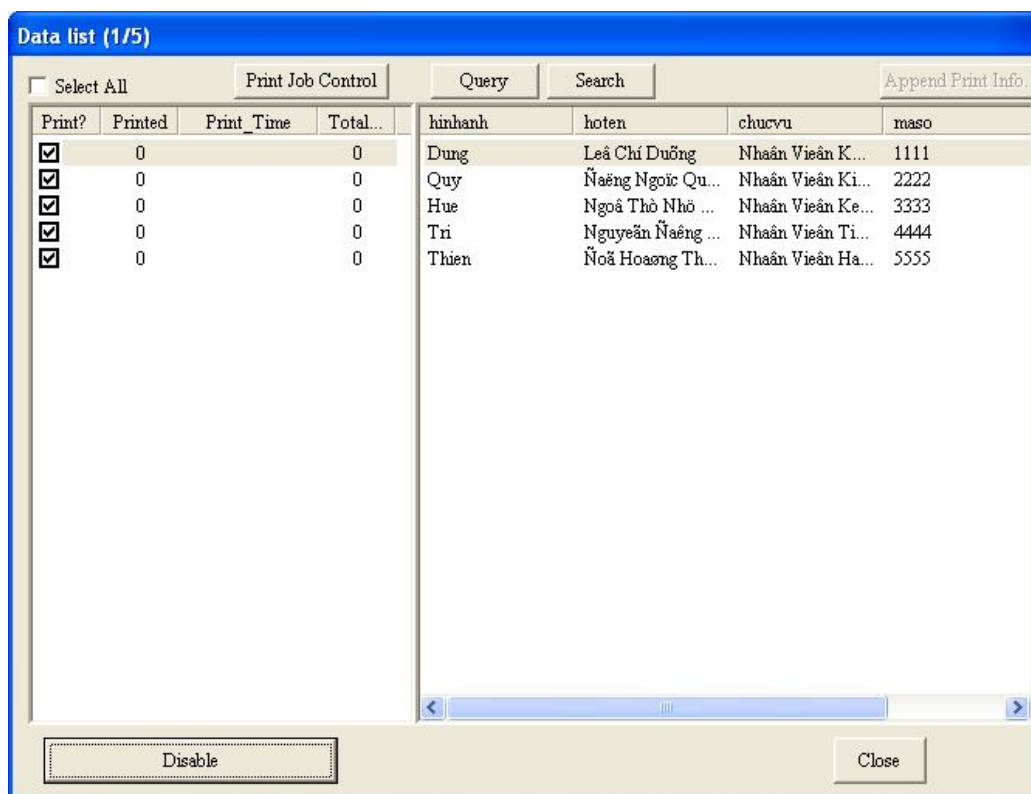


Nhấp vào **Print Info** rồi lưu file này lại với tên bất kỳ.

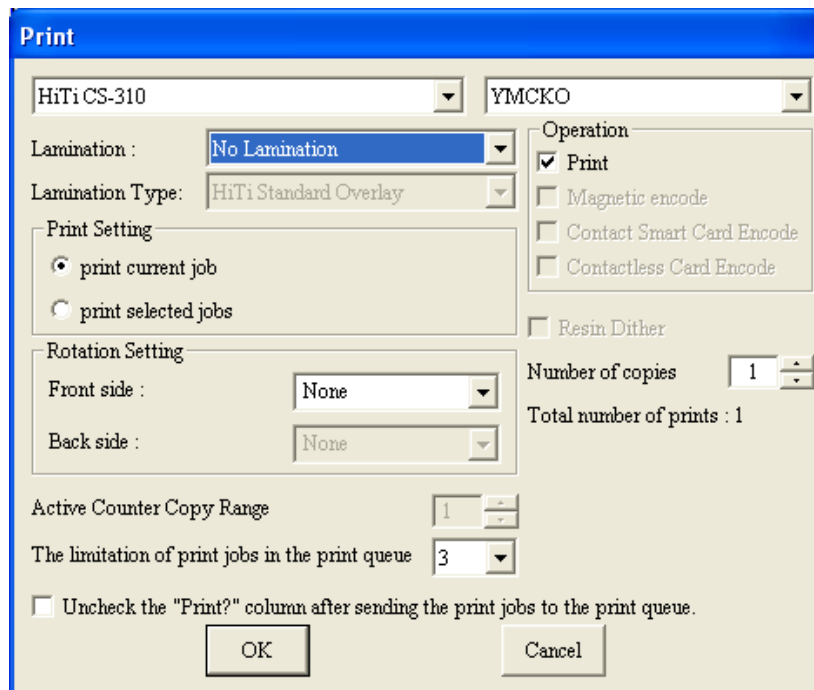




Sau đó thì chúng ta mới có thể tiến hành chọn thẻ nào cần in thẻ nào không cần in.



Để in thẻ thì bạn nhấp vào biểu tượng  để in.



Đối với việc kết nối với Access, chúng ta có thể tạo thêm hoặc chỉnh sửa dữ liệu bằng phần mềm rồi cập nhật thẳng vào danh sách Access.

Vào **Database → Dynamis Mode**



New: Tạo thêm dữ liệu mới.

Save: Lưu những thay đổi.

Refresh: Làm tươi lại

Next: Chuyển sang dữ liệu kế tiếp

Previous: Chuyển sang dữ liệu trước đó.

Frist: Chuyển sang dữ liệu đầu tiên.

Last: Chuyển sang dữ liệu cuối cùng.

Close: đóng bảng Dynamic Mode lại

Chú ý: đối với dữ liệu hình ảnh, chúng ta phải nhập đúng tên của hình ảnh vào khung này thì sau khi save ta mới có thể thấy được hình ảnh. Chúng ta có thể mở file Access ra để kiểm tra.

Dynamic Mode (2/5)

hinhanh	quy
hoten	Nguyễn Ngọc Quý
chucvu	Trưởng Nhóm S
phongban	Kinh Doanh SmartI
maso	2222

New Refresh First Last Close
Save Next Previous

Microsoft Access

File Edit View Insert Format Records Tools Window Help

Test Danh Sach Voi Access : Database (Access 2000 file for...)

Danh_Sach : Table

	hinhanh	hoten	chucvu	phongban	maso
▶	dung	Lê Chí Dũng	Trưởng Phòng Kỹ Thuật	Kỹ Thuật	1111
	quy	Đặng Ngọc Quý	Trưởng Nhóm SmartID	Kinh Doanh SmartID	2222
	hue	Ngô Thị Như Huệ	Nhân Viên Kinh Doanh	Kinh Doanh SmartID	3333
	tri	Nguyễn Đăng Trí	Nhân Viên Kinh Doanh	Kinh Doanh SmartID	4444
	thien	Đỗ Hoàng Thiện	Nhân Viên Kỹ Thuật	Kỹ Thuật	5555
	them1	Nhân Viên Được Thêm 1	Chức Vụ Được Thêm 1	Phòng Ban Được Thêm 1	6666
	them2	Nhân Viên Được Thêm 2	Chức Vụ Được Thêm 2	Phòng Ban Được Thêm 2	7777
	them3	Nhân Viên Được Thêm 3	Chức Vụ Được Thêm 3	Phòng Ban Được Thêm 3	8888
	them4	Nhân Viên Được Thêm 4	Chức Vụ Được Thêm 4	Phòng Ban Được Thêm 4	9999
*					0

Record: 1 of 9

Datasheet View

